NGUIỄN NGU Í

HỒ THƠM NGUYỄN HUỆ QUANG TRUNG

1752 - 1792

hay

GIẤC MỘNG LỚN CHƯA THÀNH

Hồ Hữu Tường đề bạt



HỒ THƠM — NGUYỄN HUỆ — QUANG TRUNG

HỒ THƠM — NGUYỄN HUỆ — QUANG TRUNG

(1752 — 1792)

hay GIẤC MỘNG LỚN CHƯA THÀNH của Ngu Í NGUYỄN HỮU NGƯ, Lời bạt của HỒ HỮU TƯỜNG, do VỀ NGUỒN xuất bản, gồm 2222 quyển. In xong ngày 5 - VI - 1967 tại nhà in PHẠM NGŨ LÃO, 293, Phạm Ngũ Lão Sài gòn — Phát hành ngày sinh nhật NGUYỄN HUỆ thứ 215 (mùng 5 tháng 5 năm Đinh Mùi, 12 - IV - 1967)

NGUIỄN NGU Í

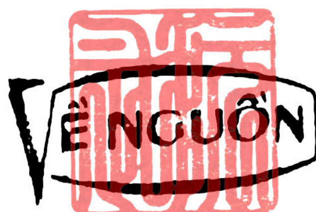
HỒ THƠM
NGUYỄN HUỆ
QUANG TRUNG

1752 - 1792

hay

GIẤC MỘNG LỚN CHƯA THÀNH

Hồ Hữu Tường đề bạt



Thương, Nhớ

TẠ CHÍ DIỆP — NGUYỄN PHAN CHÂU

NGƯỜI CỦA MÙA XUÂN

Gọi người ấy là « Người của mùa Xuân », tưởng không có gì là quá đáng. Hễ mỗi lần « nàng Xuân tung cánh trên hoa », hễ mỗi độ năm tàn tháng lụn, là y như lòng người Việt xôn xao lên, vì một ngày, một ngày giỗ, một ngày giỗ chung, một ngày giỗ Trận.

TRẬN ĐỐNG ĐA

Từ ngày con sông Bến Hải đóng lại vai trò chua xót của con sông Linh Giang, hai tiếng Đống Đa — đứng về địa lý mà nói — như cứ xa dần trong không gian. Song hai tiếng ấy, về mặt sử ký, lại càng gần ta hơn bao giờ hết.

Có những đồng bào vừa lìa đất Bắc đã hô hào trên giấy trắng mực đen : « Tết sang năm chúng ta trở về Thăng Long ăn Tết » !

Có những nghệ sĩ (mặc dầu đã có một thời bước vào đời mà nửa tỉnh nửa say, hay lắm lúc cùng mây vơ vẩn) hùng dũng đòi :

« Đòi trả huy hoàng cho cố đô ».

Lại có một nhà báo la ó ý chí của mình bằng bút hiệu sắc như gươm : Bắc Tiến, mà chẳng phải tiến ra Bắc — nghĩa là thống nhất giang sơn — bằng một biện pháp hòa bình như một số người nào đó đã chủ trương mà tiến nhanh, tiến dữ, tiến như vũ bão, tiến bằng vũ

lực — Vũ Bắc Tiến — như hoàng đế Quang Trung gần trăm bảy mươi năm về trước.

Một trăm bảy mươi bảy năm qua, mà nhớ đến cái gò lịch sử ở gần Hà Nội ấy, thì người Việt rộn lên theo điệu « *Thăng Long hành khúc* » :

... « *lũ quân chàng Tôn sập cầu trôi đầy sông*... »

Và đó, đây, lòng người có tuổi cũng hăng lên khi ngắm lớp đầu xanh vừa ra điệu bộ vừa hát rập ràng :

« *Lẳng lặng mà nghe*
« *Quang Trung dàn binh bố trận*
« *Tại trận Đống Đa,*
« *Phá tan quân Thanh mười vạn !* » (1)

Tết năm nào quân đội cộng hòa Việt Nam tặng đồng bào những tấm hình « Xuân chiến thắng » với hai câu lục bát :

« *Xuân xưa vang tiếng Hà Hồi,*
Oai danh Nguyễn Huệ muôn đời còn ghi »

Và từ ấy, có hơn một tờ báo hàng ngày đã tặng quà Tết cho bạn đọc bức tranh lịch sử : « Quang Trung đại phá quân Thanh » và hiến cho bạn đọc một cuộc giải trí... lành mạnh : tìm coi Tôn Sĩ Nghị trốn nơi mô ?

Ấy mới biết cuộc tiến ra đất Bắc để giải phóng miền nầy cùng trận chiến thắng quân thù phương Bắc nó chói ngời như một thái dương.

NGƯỜI CỦA CHIẾN THẮNG

Phải có bốn mươi lăm năm đằng đẳng Nam, Bắc hai nhà thù với nghịch mà đến bảy lần đánh nhau dữ

---

(1) Đúng ra, hai mươi vạn

dội vô cùng, phải có an ninh chẳng có, đói lạnh liên miên, mạng người rẻ như rơm rác, phải có tang tóc, chia lìa, nhớ nhung mong mỏi, tức tưởi, cuồng điên, phải có sự thúi nát của nơi này, phải có sự kềm kẹp của nơi kia, phải có sự bất bình, uất hận đó đây, mới có lớp binh dũng mãnh ấy, mới có đám tướng tài ba ấy, mới có nhóm mưu sĩ lỗi lạc kia, mới có người anh hùng áo vải cờ đào nọ.

Để mà thực hiện hy vọng thiết tha ngấm ngầm của toàn dân: giang san gom về một mối; để mà nói lên chí bất khuất lưu truyền của giống nòi: *đất nước Việt là của dân tộc Việt.*

Vì thế mà Hồ Thơm (2), Nguyễn Huệ, Nguyễn Quang Bình, kết tinh của bao đau xót, nghẹn ngào, mong ước, tài tình, vì thế mà kẻ một dòng máu với Hồ Quí Ly ấy, mang áo vải mà phất cờ đào, thì Đống Đa phải ngời hào quang Người của Chiến Thắng, hình ảnh của dân tộc, trong một thời nào.

Nguyễn Huệ học trong sách vở vừa tạm đủ, học ở thời thế khá nhiều, học ở mắt thấy tai nghe, trí nghĩ, ở hành động không phải ít. Từ lúc theo hai anh mưu đồ việc lớn, cướp phá thôn này, đánh úp đồn kia, Huệ gặp bao dịp để học, để hành, để quyền, để biến,. Càng thấy

---

(2) *Trần Trọng Kim*, trong «Việt Nam sử lược» viết: «Nguyên tổ bốn đời của Nguyễn Nhạc là họ Hồ, cùng với tổ của Hồ Quí Li ngày trước, người ở huyện Hưng Nguyên đất Nghệ An, gặp lúc Chúa Trịnh Chúa Nguyễn đánh nhau, bị bắt đem vào ở ấp Tây Sơn, thuộc đất Qui Nhơn. Đến đời ông thân sinh là Hồ Phi Phúc dời nhà sang ở ấp Kiên Thành, nay làng Phú lạc, huyện Tuy Viễn (...) Anh em ông Nhạc muốn khởi loạn, mới lấy họ mẹ là Nguyễn để khởi sự cho dễ thu phục nhân tâm, vì rằng đất trong Nam vẫn là đất của chúa Nguyễn.

nghe nhiều, càng va chạm lắm, nỗi bất bình do hai triều mục nát do ông thầy học — nạn nhân của kẻ gian thần lộng quyền — hun đúc lại càng cuồn cuộn. Nuôi chí có ngày làm một cái gì sáng ấm cho dân, rỡ ràng cho nước, một đoạn thư sau nầy (1787) gởi cho La Sơn Phu Tử đủ cho ta thấy rõ :

« Thiên hạ loạn thế nầy ! Nhân dân lầm than thế nầy ! Vậy mà nhà Thầy cứ nằm cao không dậy, thì đối với thiên hạ, nhân dân ra sao ? ».

Ấp Tây Sơn, rồi đất Qui Nhơn, rồi từ đèo Hải Vân đến Thạch Bi Sơn, tài cầm quân của người anh hùng áo vải càng tỏ rạng như vầng thái dương buổi sáng. Đất dụng võ ngày càng mở rộng : từ bờ Hương giang đến mũi Cà Mau ; chiến lược, chiến thuật trên đất liền cũng như trên sông biển, ngày càng bén nhọn, đổi thay : mấy lần thành Gia Định biến tan cờ chúa Nguyễn, cửa Cần Giờ, sông Cửu Long, vịnh Tiêm La, chiến thuyền của kẻ thù trong nước, của quân địch ngoại bang tơi bời như buồm con trong cơn dông tố hãi hùng.

Hai vạn binh Xiêm trên ba trăm chiến thuyền với hai tướng Chiêu Tăng, Chiêu Sương khắc cốt trận Rạch Gầm và những ai may sống sót sợ ai như cọp (1784)

Được Nguyễn Hữu Chỉnh ngược đường Nam tiến. Thế chẻ tre chém chuối nối nhau.

Thành Thuận Hóa rời tay chúa Trịnh (1786). F n Vị Hoàng thấm dậm vết dầu loang. Sơn Nam bị hạ. Thăng Long rộn rã tiếng « đàn trong ».

Một sự nghiệp chúa dài hai trăm mười năm (1576-

1786) bị dứt tuyệt trong vòng một tháng mấy ngày lẻ.

Lợi dụng thời, thế, cơ, quyết đoán mau lẹ, hành quân cấp tốc, khi dùng mưu biết tìm mưu, lúc dùng sức biết dùng sức, chẳng vì thành công chớp nhoáng mà mù quáng kiêu căng, thiên tài quân sự, trên bộ như dưới thủy, sáng suốt ngoại giao, trong trướng như giữa triều đình, đã đi gần đến đỉnh.

Biết người biết ta, muốn xa muốn đẹp, dám nói dám làm, im lặng đợi chờ, con người áo vải ấy, Nam phạt chúa Nguyễn như chiếc bách giữa dòng, Bắc tiến, chúa Trịnh như cây khô bật gốc, con người cờ đào ấy chưa hề nếm mùi thất bại ở chốn sa trường, đáng được gọi như Đinh Tiên Hoàng, là: người *Vạn Thắng*.

Và người Vạn Thắng, ba năm sau (1789) đề chân lên đất Thăng Long tại gò Đống Đa, khi nêu chưa hạ, thành người Toàn Thắng.

... *« lũ quân chàng Tôn sập cầu trôi đầy sông... »*.

NAPOLÉON VÀ NGUYỄN HUỆ.

Nhắc đến Nguyễn Huệ, chúng ta nhớ đến Napoléon, cả hai vốn người đồng thời, tuy kẻ Âu người Á, nhưng có lắm điểm giống nhau.

Cả hai cùng xuất thân trong dân chúng, sống trong thời rối, nát: nước tơi bời, dân đói lạnh, nạn ngoại xâm đe dọa, vụng về, thúi nát, bó buộc... dẫy đầy; vận nước sắp vô cùng đen thảm.

Cả hai đều đem lại niềm tin cho dân tộc và đem lại vinh vang cho giống nòi, nhờ ở sức thông minh lỗi lạc, nhờ ở tài quân sự phi thường.

Nhưng sau, Napoléon đã phụ lòng dân Pháp, đoàn quân chiến thắng dạo gần khắp kinh thành Âu Châu, không phải để gieo rắc những « *Tự Do, Bình Đẳng, Bác Ái* » của cuộc cách mạng Pháp, mà để thỏa lòng kiêu căng, ích kỷ, tham lam của một người, cần những chiến thắng ở nước người để giữ vững địa vị ở nước mình.. để vì quê hương vì mình mà điêu linh, tuổi nhục và thân mình tàn tạ trong kiếp tù binh đày nơi hoang đảo.

Còn Nguyễn Huệ thì dùng tài võ bị của mình để đánh tan một nỗi bất bình, để thống nhất nước non nhà, để quét sạch quân cướp nước ào ào từ miền Bắc (3) và khi tắt thở, sự nghiệp vẫn vững bền, và để lại — từ ấy đến nay — rất nhiều kính phục cũng như lắm nỗi tiếc thương (4).

Ngoài ra, Napoléon chỉ giỏi dùng binh trên bộ, và hơn một lần, nếm mùi thất trận xót xa ; Nguyễn Huệ giỏi cả bộ lẫn thủy, và đi từ chiến thắng nầy đến chiến thắng khác, chết mà chưa biết thua ai một trận nào.

Nhưng nhớ đến Nguyễn Huệ, nhớ đến Napoléon, chúng ta không thể bỏ qua hai trận thắng mau lẹ, vẻ vang và ghi hai điểm son ngời trong lịch sử chiến tranh của người Pháp, của người Việt.

AUSTERLITZ VÀ ĐỐNG ĐA

Chiến lược, chiến thuật của hai thiên tài quân sự

---

(3) Còn cái dự định đánh Trung Hoa để lấy lại phần đất Việt bị chú láng giềng không lồ thôn tính từ ngàn xưa : Quảng Đông, Quảng Tây, chúng tôi sẽ xin nói đến và tìm hiểu sau.

(4) Cũng có vài lời chê trách—của người ngày nay—mà chúng tôi sẽ có dịp nói rõ và góp ý kiến riêng.

này trong hai trận nói trên giống nhau như chị cùng em. Sự gặp gỡ khá lạ lùng nầy tưởng cũng đáng nói đến. Nên trước khi nói kỹ đến trận Đống Đa, chúng tôi xin nhắc sơ qua trận Austerlitz (2-XII-1805).

Cũng như Nguyễn Huệ 16 năm trước, Napoléon đã hành quân cấp tốc, đã dùng chiến thuật đại bao vây và đã áp dụng chiến thuật trung ương đột phá.

Liên quân Áo — Nga cùng nhị vị hoàng đế của họ đóng ở trên đồi Pratzen (vùng Moravie, thuộc nước Tiệp Khắc bây giờ). Napoléon dàn quân dài ở dưới. Chờ trung quân và tả quân Áo — Nga xuống đồi đánh mạnh vào cánh mặt do tướng Davout chỉ huy với sứ mạng đánh trả kịch liệt để cầm quân họ, Napoléon ra lịnh cho tướng Soult liền đó tướng Bernadotte, rồi chính Napoléon với đoàn ngự lâm quân nòng cốt rầm rộ tràn lên đồi do mặt giữa, do bên hông và làm chủ ngọn đồi. Kỵ binh Nga liều chết giành lại đồi, nhưng vô hiệu quả. Và sau bốn giờ chiến đấu ác liệt, quân Pháp đầy lui hẳn đoàn kỵ binh nầy. Trong khi đó tướng Lannes và tướng Marat đuổi cánh mặt quân địch chạy trối chết.

Thế là trong bốn giờ nổ súng, mươi vạn quân Áo — Nga đại bại và một số chết đuối dưới hồ, đâm vì tranh giành nhau chạy. Tất cả mọi việc đều xảy ra như Napoléon tiên liệu.

Trận Austerlitz rỡ ràng đến đỗi vị hoàng đế nước Pháp tuyên bố với sĩ tốt : « Và chỉ cần các ngươi nói : « Tôi đã dự trận Austerlitz », là đủ cho người ta trả lời : « Đó là một người anh dũng ».

Trận Austerlitz hay ho đến đỗi các nhà quân sự

xưa nay đều cho nó là một tuyệt phẩm về chiến thuật.

Phải chi là họ biết trận Đống Đa thì chẳng biết họ dùng tiếng gì để khen tặng.

Là vì trước khi súng nổ, Napoléon đã dư thì giờ quan sát trận địa, vị trí đóng quân của địch, ống dòm cầm tay, và bố trí, phân công cho các đạo quân cùng khích lệ ba quân trước giờ quyết định chẳng bao lâu.

Còn Nguyễn Huệ thì đặt kế hoạch tấn công từ ngàn dặm, trước cuộc thư hùng hơn tháng, và phải giải quyết cùng đối phó với bao việc, bao điều: nào tìm cách điều động quân sĩ cho mau mà cho vui, cho khỏe, nào tuyển binh mới trên đường đón giặc, nào đắp đàn ở núi Bàn Sơn, làm lễ lên ngôi Hoàng đế (25 tháng 11 năm Mậu Thân 1788)

Cho nên những lời sau đây của nhà học giả Lê Văn Hoè, trong tập nghiên cứu, phê bình sử học: « Tôn Sĩ Nghị, Lê Chiêu Thống, Quang Trung » không có chi là quá đáng:

« Trong một trận ngắn ngủi năm ngày trời mà phá tan hai mươi vạn quân giặc. Chiến công chớp nhoáng đó chẳng những đáng ghi vào chiến công oanh liệt đệ nhất lịch sử nước nhà, mà còn đáng liệt vào chiến công oanh liệt bậc nhất trong lịch sử quân sự thế giới.

« Chúng ta có quyền tự hào, dân tộc ta có quyền hãnh diện với hoàn cầu về chiến công của vua Quang Trung ».

Vậy nhân buổi đầu năm, chúng ta thử làm sống lại chiến công hiển hách ấy, mà kết thúc rõ ràng là trận

ĐỐNG ĐA

Ngày 24 tháng 11 năm Mậu Thân (1788) tướng

Nguyễn Văn Tuyết bay ngựa đem tin chẳng lành đến Bắc Bình Vương : quân Thanh mượn tiếng cứu nhà Lê đã làm chủ Thăng Long, quân Tây Sơn ở Bắc Hà phải lui về đóng giữ ở núi Tam Điệp.

Người anh hùng áo vải đất Tây Sơn chỉ cười trước cái tin nguy cấp đó :

« *Chúng nó sang lần này chỉ là để mua lấy cái chết đó thôi* ».

Sau lời lịch sử ấy, là làm việc, việc làm dồn dập và quyết định.

Ngày kế là lễ tế Trời, Đất và Sông, Núi ở núi Bàn Sơn. Bắt đầu từ ngày 25 tháng 11 năm ấy, niên hiệu Thái Đức thứ XI ở Nam không còn, mà niên hiệu Chiêu Thống thứ II cũng mất : niên hiệu Quang Trung nguyên niên ghi vào thanh sử. Dân tộc Việt Nam có vị hoàng đế của mình.

Rồi cả bộ binh, thủy binh rầm rộ kéo cờ ra Bắc, sự đắc thắng như cầm chắc trong tay.

Ngày 29, Nghệ An tiếp người hoàng đế kiêu hùng. Quân được nghỉ 10 ngày, tướng có bổn phận lựa thêm lính, chọn thêm voi. Trong khi đó người lãnh trách nhiệm lịch sử trước dân tộc không quên thử lại bài toán của mình. Người cho vời nhà ẩn sĩ La Sơn, hỏi :

« Quân Thanh kéo sang xâm lấn, ta nay làm tướng thân chinh, chước đánh, giữ và số được thua ra sao nhà Thầy thử nói ta nghe nào ? »

La Sơn phu tử đáp :

« Bây giờ trong nước rỗng không, lòng người tan nát. Quân Thanh từ xa kéo đến, không rõ tình hình khoẻ, yếu và phương thế đánh, giữ gì đâu. Chúa công,

ra chuyến này, chẳng qua thì mười ngày thì dẹp được giặc ».

Được lời như cởi tấc lòng, nhà vua tươi như mùa Xuân mới dậy. Rồi ba quân được cảm kích bằng những lời hiểu dụ sau đây của vị chỉ huy tối cao có đôi mắt áng như luồng điện, có giọng nói sang sảng như chuông đồng :

« ... Quân Thanh kéo sang xâm lấn, hiện đang chiếm cứ Thăng Long, các người đã hay tin ấy ?

« Trong vòng Trời, Đất chia theo phận sao Dực, Chẩn ; Nam, Bắc vẫn riêng một non sông. Người nước Bắc không phải nòi giống ta thì tất khác lòng khác dạ. Từ nhà Hán về sau, họ cướp đất đai ta : cá thịt nhân dân, vơ vét của cải, nông nỗi ấy thật khó chịu quá ! Người nước ai cũng phải nghĩ đánh đuổi đi.

« Đời Hán có Trưng Nữ Vương ; đời Tống có Lê Đại Hành ; đời Nguyên có Trần Hưng Đạo ; đời Minh có Lê Thái Tổ. Các cụ không chịu bó tay ngồi nhìn quân ngoài tàn bạo, nên phải thuận lòng người, dấy quân nghĩa, đánh thắng lại đuổi chúng về. Trong những khi ấy, Nam, Bắc đâu lại phận đó, bờ cõi yên ổn, vận nước lâu dài. Từ nhà Đinh tới nay, chúng ta không đến nỗi phải cái khổ Bắc thuộc. Đó, lợi, hại, được, thua, chuyện cũ rành rành là thế.

« Nay người Thanh không soi gương Tống, Nguyên, Minh, lại sang mưu chiếm nước Nam ta, đặt làm quận, huyện ! Vậy ta phải vùng ra mà khử trừ đi !

« Các anh em, hạng người có trí thức, có tài năng, phải cùng ta đồng lòng gắng sức, khiến cho việc lớn

được nên, chớ đừng giở thói nhị tâm đó! Hễ việc phản trắc lộ ra, thì ta quyết định giết, không tha một ai. Bấy giờ đừng trách rằng không báo trước ».

Thế rồi hôm sau mở màn cuộc hành quân thần tốc.

Binh sĩ lại có thêm dịp kính phục và mến thương vì Chủ soái: đoàn quân Bắc tiến họp từng tốp ba người, hai người thay phiên võng một người, điệu hát trống quân lại hồi sinh đề người mệt nằm thích thú mơ màng và người khiêng hăng vui càng lẹ bước. Lướt bụi băng rừng, ngày đi, đêm chẳng nghỉ, ngày 20 tháng chạp là vua Quang Trung và toàn quân tới nơi giáp giới Bắc Nam, tới miền núi non Tam Điệp, chỗ Ngô Văn Sở đã theo lời Ngô Thì Nhiệm lui quân về giữ, khi hai chục vạn quân Tàu chia làm ba đạo: Quảng Đông, Quảng Tây và Vân Nam, Quí Châu tiến xuống Thăng Long do ba ngã: Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang,

Chưa đánh trận mà đã rút lui, là phạm vào binh pháp. Song người cầm đầu sáng suốt ấy dư hiểu vì sao những kẻ thay mặt mình ở Bắc Hà phải hành động thế.

«... Bắc Hà mới dẹp yên, lòng người chưa thật quy phục. Mà thành Thăng Long bốn mặt đều là chiến trường, không có chỗ nào hiểm trở có thể giữ vững được. Nghiệm ngay như năm xưa, ta ra lấy Bắc Hà, chúa Trịnh quả không chống nổi thì đủ biết. Các khanh đóng quân ở đấy, ngoài thì giặc Thanh đến lấn, trong thì người Bắc làm nội công, các khanh còn biết xoay trở làm sao được!

« Các khanh chịu nhịn, tạm tránh mũi gươm đang bén của giặc, rút quân chọn các nơi hiểm yếu đề, mặt trong, khêu mối căm tức của quân ta, mặt ngoài, tăng

thêm cái khí kiêu căng của quân địch. Chước đó kể cũng phải đấy. Mới nghe, ta đã đoán ngay là mưu kế của Thì Nhiệm, kịp hỏi Văn Tuyết, quả nhiên không sai.

«Nay ta tới đây, thân đốc việc binh, chiến thủ ra sao đã có phương lược định sẵn. Chỉ nội mười ngày nữa, thế nào ta cũng quét sạch giặc Thanh. Song le, ta nghĩ: nước Tàu lớn hơn nước ta gấp mười lần, Tàu bị thua rồi, tất lấy làm thẹn, chắc phải tìm cách rửa hờn. Nếu cứ để binh lửa kéo đến, mãi không yên ổn, thật không phải là phúc nhân dân, lòng ta sao nỡ? Nên chi, sau khi chiến thắng ta nên khéo dùng lời mới dập tắt lửa chiến tranh. Việc này, ta sẽ nhờ Ngô Thì Nhiệm»!

Rồi tiệc khao quân được mở linh đình, và lời chủ tướng lại nung niềm phấn khởi:« Ngày nay, ta hãy ăn Tết Nguyên đán trước. Sang Xuân, ngày mùng bảy, ta sẽ vào thành Thăng Long, mở tiệc ăn Tết khai hạ».

Và cuộc hành quân bắt đầu.

Vua Quang Trung chỉ huy đại quân, đại tư mã Ngô Văn Sở và nội hầu Phan Văn Lân đi tiên phong. Hô Hổ Hầu ở hậu tập. Đại quân theo đường thiên lý tiến thẳng ra Thăng Long.

Hữu quân do đại đô đốc Lộc, đô đốc Tuyết chỉ huy, gồm có bộ binh và thủy binh, theo đường biển vào sông Bạch Đằng. Đô đốc Tuyết giữ Hải Dương, tiếp ứng về phía Đông, đại đô đốc Lộc tiến nhanh lên miền Lạng Giang, Phượng Nhỡn, Yên Thế (Bắc Giang) để chặn đường quân Thanh thua chạy về nước.

Tả quân do đại đô đốc Bảo, đô đốc Mưu chỉ huy,

gồm có bộ binh và binh voi ngựa, băng rừng xuyên núi để tấn công về phía Tây. Đô đốc Mưu xuyên huyện Chương Đức (tỉnh Hà Đông) thẳng đến làng Nhân Mục (huyện Thanh Trì, cũng ở tỉnh Hà Đông) đánh quân Sầm Nghi Đống đóng tại Đống Đa. Đại đô đốc Bảo thống xuất đạo quân voi ngựa đồ ra làng Đại Áng (huyện Thanh Trì) để tiếp ứng cho cánh tả của đại quân.

Lịnh xuất quân ra ngày cuối cùng của năm Mậu Thân. Trong khi quân Việt hùng hổ tiến ra Bắc theo ba ngõ, thì trước giờ thử lửa, người anh hùng áo vải Tây Sơn lại chẳng quên dùng mưu. Một phái đoàn đến dâng ba đạo biểu văn cho Tôn Sĩ Nghị cầu xin vị tổng đốc Lưỡng Quảng này hãy đóng quân ở cửa ải để xét lại xem nhà Lê và Tây Sơn ai phải ai quấy, lại xin trả quân do thám Tàu mà Tây Sơn bắt được. Cốt ý là, để tên tổng chỉ huy này khinh miệt mình và kiêu căng chẳng phòng bị. Quả Sĩ Nghị mắc kế. Một mật vụ của nhà vua nhờ Nguyễn Thiệp tìm cách gởi đến viên đề binh họ Đinh giữ lương thảo cho quân Thanh hãy làm nội ứng bằng cách lén đốt kho chứa khí giới trong đêm mùng 4 rạng ngày mùng 5 Tết để làm cho địch hốt hoảng và thiếu khí giới : họ Đinh sẽ y theo kế.

Ấy đó, khi bên Việt, mưu kế, người ngựa, thuyền, voi tung ra như thế, thì vua tôi nhà Lê lo hầu lo hạ kẻ bề tôi của vua Tàu, thì kẻ chỉ huy quân đội xâm lăng và hàng tướng tá của y lo rượu ngon, lo gái ngộ, còn binh sĩ Tàu thì cướp, giựt, đốt, hiếp... còn gì gì nữa để chứng minh rằng ta đây là lũ con trời đến giải phóng nước non này khỏi nanh vuốt phường « phiến loạn ».

Đại quân Tây Sơn qua sông Giản Thủy (thuộc tỉnh Ninh Bình) là đám nghĩa quân vua Lê tan rã.

Đến Phú Xuyên, tất cả quân do thám bị bắt trọn. Các đồn gần đó chẳng được tin gì.

Đồn Hà Hồi hoảng dậy giữa tối mùng ba : tiếng loa vang, tiếng quân la ó rùm trời, đã khiến quân Thanh dâng đồn đồi mạng.

Trận thắng đầu tiên, chẳng tốn một tên quân.

Mùng năm, sáng mờ mờ, Quang Trung cho tập trung lương thực, ra lịnh đốt sạch, khác nào qua sông đốt thuyền, lên cao chặt thang, ăn xong lấp giếng đập nồi, để quân sĩ liều chết với giặc. Cho nên mặc lũy cắm chông sắt, mặc súng bắn như mưa, quân Việt cứ xông vào, lấy ván ghép lại phủ rơm tầm nước, để đỡ đạn : đồn Ngọc Hồi tan vỡ, tan vỡ luôn các đồn Văn Điền, Yên Quyết. Quân Tàu chết vô số, tướng Tàu đền nợ máu ngay trận tiền, đô đốc Hứa thế Hanh, tiên phong Trương Triều Long, tả dực Thương Duy Thăng.

Đồn do Sầm Nghi Đống giữ bị vây tứ phía. và bị công hãm khốc liệt. Quân tiếp viện không một tên, viên chỉ huy Tàu này đành thắt cổ trên một cây đa nào đó của cái gò lịch sử có tên là Đống Đa : đô đốc Mưu đã làm xong phận sự.

Quân Thanh đang hốt hãi tìm đường chạy thì gặp một đoàn quân voi của đại đô đốc Bảo từ làng Đại Áng đổ ra, chúng chết hàng vạn dưới chân voi.

Thành Thăng Long như bỏ ngỏ. Vua Quang Trung cùng đại quân vào kinh đô nhà Lê mùng năm Tết, vào giờ thân (lối 4, 5 giờ chiều) đúng ngày hẹn trước với toàn quân : trước ngà, nếu hạ.

Còn Tôn Sĩ Nghị thì trước cơn thảm bại đã hoảng hốt chẳng kịp mặc áo giáp, chẳng kịp thắng yên ngựa vội vượt cầu phao sông Hồng chạy về mạn Bắc. Tướng sĩ như rắn không đầu giành nhau qua cầu nổi ấy, đề rồi :

«... sập cầu, trôi đầy sông..,»

Riêng Tôn Sĩ Nghị chạy đến Phượng Nhỡn thì khiếp đảm, quăng tất cả ấn tín, sắc thư, cờ hiệu... để dễ bề thoát thân vì quân báo đại đô đốc Lộc từ phía đông đồ qua để chận đường.

Thành ra đạo binh Vân Nam, Quí Châu mới đến Sơn Tây (tức Phú Thọ và Vĩnh Yên ngày nay) đã vội vã rút lui về nơi phát xuất.

Người Tàu sợ hãi đến nỗi dắt díu cõng bồng nhau, vượt biên giới, sử chép rằng : «từ cửa ải, về mé bắc nhơn mấy trăm dặm, tịnh không nghe thấy tiếng một người nào». Vua tôi nhà Lê cũng hốt hoảng chạy sang Tàu.

Dân chúng Thăng Long mừng đón người anh hùng dân tộc ở tận miền Nam ra giải phóng miền non nước Bắc. Chiếc chiến bào đen cháy vì suốt mấy ngày xông pha trong lửa đạn như thêm hào quang cho người anh hùng dân tộc cờ đào...

Và dân chúng vui mừng vì thoát ách quân Tàu bao nhiêu thì quân Việt của Quang Trung Nguyễn Huệ cùng vui vẻ, ăn Tết khai hạ tại Thăng Long thành bấy nhiêu.

Và đến nay, một trăm sáu mươi chín năm qua, tại thủ đô mới của nước Việt cộng hòa, một nhà thơ họ Vũ, say sưa hạ bút gởi cho ai :

BÀI THƠ BÌNH BẮC (5)

Người ra Bắc, oai thanh mờ nhật nguyệt,
Khí thế kia, làm rung động càn khôn.
Lệnh ban xuống lời lời tâm huyết,
Nẻo trường chinh ai dám bước chân chồn.
Gươm thiên cựa vỗ :
Giặc không mồ chôn,
Voi thiêng chuyển vó :
Nát lũy tan đồn !
Ôi, một khúc hành ca hề gào mây thét gió !
Mà ý tưởng lòng quan hề bền sắt tươi son !

. . . .

Nhớ trận Đống Đa hề thương mùa Xuân tới,
Sầu xuân vời vợi,
Xuân tứ nao nao...

. . . .

Gấm vóc giang san hề còn đầy mộ dãy,
Thì nghiệp lớn vẻ vang,
Thì mộng lớn huy hoàng,
Vẫn ngàn thu còn mãi.
Ôi ngàn thu người áo vải đất Qui Nhơn !

NHỚ TRẬN ĐỐNG ĐA

Sức sống của dân tộc Việt thường hiện rõ trên những chiến trường quyết định : sông Bạch Đằng, ải Chi Lăng, gò Đống Đa, nhất là gò Đống Đa.

Cái đớn hèn của một ông vua liếm gót, người như

(1) Võ Hoàng Chương, nhựt báo « Tự Do », số Tết niên năm Đinh Dậu (15-2-1958)

Lê Chiêu Thống, cái nhục nhã của đám quan lại chỉ có biết mong chờ người cứu trợ, vẽ bày, cái mù quáng tai hại của lớp sĩ phu chỉ có biết trung với một triều đại, mặc dù triều đại đó đã suy đồi trước mắt, trung với một vị vua đại diện chẳng đáng khuông phò, bảo vệ chút nào, chỉ có biết lạy lục kẻ cường lân để nhờ người ngoài thương hại lấy lại giùm ngai vàng cho một « thiên tử », dẫu rằng chiếc ngai vàng còn ba chân ấy mọt ăn mối phá tự bao giờ và đấng « chí tôn » kia đã chứng tỏ rằng mình bất tài, bất lực. bất công, nhìn xa không khỏi hoàng thành, thấy rộng không ngoài dòng họ ! Cái đớn hèn của kẻ cầm đầu, cái nhục nhã của đám phò tá, cái mù quáng của lớp rường cột quốc gia, bao nhiêu rác nhớp phân nhơ ấy phải được chôn theo những Hứa Thế Hanh, những Trương Triều Long, những Thượng Duy Thăng, những Sầm Nghi Đống, phải được chìm theo lũ tàn binh Tàu xác trôi đầy sông Nhị, phải được đuổi bay ra bên kia ải Nam Quan cùng với Tôn Sĩ Nghị, Lê Chiêu Thống và bọn vong thần cõng rắn. Vì thế hơn một nhà thơ đã nâng bút :

« Nước Việt ngàn năm truyền miệng trẻ :
« Oai vũ thần binh trận Đống Đa !
« Nước Việt ngàn năm danh Nguyễn Huệ,
« Tru diệt quân Thanh phá Bắc Hà ! (6)

Và chúng ta lấy những lời sau đây của bài hát

(6) Minh-Tuyền.

cách mạng « QUỐC DÂN HÀNH KHÚC » (7), đoạn Khải hoàn, đặng ca ngợi trận lịch sử Đống Đa, tưởng không gì thích hợp cho bằng :

« Cờ Nam tung gió mây, lừng bay trên núi sông ;
« Lòng muôn dân đắm say, hò reo trong nắng hồng.
« Đầu non Vinh-quang vương hơi máu,
« Luồng gió Đắc thắng rền gươm giáo.
« Nghìn bóng chiến sĩ thác vì núi sông
«Truyền ta thiên thu giữ lòng anh dũng...»

Cho nên mặc dầu đã mười hai năm rồi, gò Đống Đa không còn là của chúng ta — chúng ta, người Việt quyết đem trường tồn cho dân tộc Lạc Hồng, quyết tạo vinh quang cho nòi giống Rồng Tiên, chớ chẳng phải người Việt cam tâm khổ để đem trường tồn cho một đế quốc mênh mông nào, cố sức chết để tạo vinh quang cho một chủ nghĩa ngoại lai nào, trong đó giá trị con người không hơn giá trị một con số, một cây đinh, — chúng ta vẫn cảm thấy lòng mình càng xôn xao, trí mình càng căng thẳng, mỗi độ bắt gặp « nàng Xuân tung cánh trên hoa, trong ánh nắng mới » hay ngắm xác pháo đỏ đầy đường, hoặc « lặng nhìn thiên hạ đón xuân sang ». Phải chăng vì gò Đống Đa như xa chúng ta quá, phải chăng vì gò Đống Đa dường như hết còn của chúng ta, bởi lẽ lớp người Việt nơi mô nhờ ai cố vấn làm như không biết trong lịch

---

(7) Hoàng-Mai-Lưu.— Người ta được biết điệu hát này qua lời ca «Tiếng gọi sinh viên» qua lời ca đoạn «Ca khúc Tranh đấu» bị sửa ít nhiều, hơn là bài chánh thức nói trên; chúng tôi mong sẽ có dịp trở lại bài «Quốc ca» này.

sử nòi giống mình, có trận Đống Đa: Tổ quốc còn có nghĩa lý gì, anh hùng dân tộc là cái gì gì, ai nhắc nhở chi một thảm bại lớn lao để lòi cái dã tâm to tát của nước Trung Hoa, Trung Hoa của hoàng đế Càn Long nhà Thanh hay Trung Hoa của chủ tịch Trạch Đông cộng sản, cũng vẫn là một Trung Hoa «vĩ đại» đó mà thôi!

oOo

Trận Austerlitz của Napoléon được sử gia Âu—Mỹ khen là tuyệt phẩm. Nhưng « mặt trời Austerlitz » vẫn gợn ánh thiếu tươi lành: một trận đại thắng có oanh liệt đến đâu mà chỉ phụng sự cho một người nào đó, cho một dòng họ nào đây, hay cho một đám quí tộc, phú hào kiêu sa, trụy lạc, kí sinh trùng, thì nào đáng để cho kẻ đến sau chiêm ngưỡng. Chiến tranh xâm lược có cao, có đẹp, có quí gì đâu. Lời nguyền rủa không còn, là may lắm cho ai gây ra chúng.

Còn trận Đống Đa của chúng ta tỏa hào quang không nhơ bợn. Tổ tiên chúng ta, dưới quyền chỉ huy tối cao của kẻ vẫn mặc áo vải để luôn luôn nhớ mình là một dân thường, tổ tiên chúng ta đã từ ngàn dặm băng rừng sâu, vượt núi cao, qua bề cả, vất vả bao nhiêu nỗi, đặng giải phóng nước nhà,, đặng chấm dứt một thời đại loạn, đặng mở màn cho cuộc thống nhất giang san.

Austerlitz (như chúng tôi đã giải qua trong đoạn trước) hay chưa bằng **ĐỐNG-ĐA**.

Bonaparte với cái mũ có tiếng, với cái ống dòm có danh, sao đẹp bằng NGUYỄN-HUỆ với đầu voi xông

xáo, với chiến bào đỏ cháy đen thuốc súng ròng rã mấy ngày xuân.

Tướng sĩ Pháp của Napoléon đắc thắng sau bốn giờ kịch chiến trong một trận giặc «vậy-vậy-thôi» thế nào dũng bằng, hùng bằng TƯỚNG SĨ VIỆT CỦA QUANG-TRUNG ca khúc khải hoàn oanh liệt sau một cuộc trường chinh gay go, sau năm đêm năm ngày chiến đấu gớm ghê, mà cảm tử, mà bao vây, mà chận đường, mà hò hét, mà chớp nhoáng, mà dữ dằn, có sức binh lính, có sức ngựa voi, có mưu tướng soái, có cả lòng dân căm tức, mong chờ, giúp đỡ... để kết thúc bằng khoan khoái, bằng tay lau mồ hôi nhuễ nhại, chân lướt qua thây quân của thái thú họ Sầm lủng lẳng dưới một cành đa, bằng tay ngưng tiếng súng đường tên, mắt nhìn...

«... Lũ quân chàng Tôn sập cầu trôi đầy sông...»

Mặt trời Austerlitz có chói lọi đến đâu cũng không sao ý nghĩa, huy hoàng, sáng ấm bằng GÒ ĐỐNG-ĐA VỚI NƯỚC HỒNG-HÀ.

Cái gì đã nung đúc đoàn quân gần như ô hợp ấy hùng dũng, say sưa vượt bao gian khổ đường trường, bộ có, thủy có, rừng có, núi có, liều mình xông pha tên đạn để đem cho đất nước một mùa Xuân chiến thắng rỡ ràng, một cái Tết huy hoàng muôn thuở ?

Phải chăng đó là khí thiêng sông núi, là tinh thần bất khuất, là sức sống phi thường, hiện thân nơi người anh hùng áo vải cờ đào Nguyễn-Huệ, hiện thân nơi tướng tá, quân binh rầm rộ lên đường ra Bắc ?

Ba nửa thế kỷ với hai mươi bảy mùa xuân qua, có ai dùng văn điệu thử làm sống lại giùm chúng ta—*người*

Việt của đất nước Việt—vài hình ảnh của mùa Xuân chiến thắng ấy ?

«Cây cỏ đua nhau giỡn nắng hồng
Dưới làn mưa bụi phủ non sông.
Trên cành, đỏ thắm đào muôn cánh
Lơi lả nô đùa với gió đông.

«Cùng vượt lên trên những xóm làng
Như tranh nhau đón chúa Xuân sang.
Những cành nêu uốn mình trong gió
Rộn rã tư bề pháo nổ vang.

«Trong lúc người nô nức thưởng xuân
Trên đường ra Bắc, những dân quân
Gội sương gió lạnh, dầm mưa bụi,
Lặn lội đêm ngày chẳng nghỉ chân.

«Họ đã băng qua vạn núi rừng,
Chiếc bao quân dụng trĩu trên lưng.
Trên vai tê buốt, đôi đòn cáng
Nghiêng ngả theo chân bước ngập ngừng,

«Họ vẫn luôn luôn nở nụ cười
Mặc dầu nhung phục đẫm mồ hôi.
Chen vào tiếng trống, lời ca hát
Thỉnh thoảng vang lên, dậy núi đồi.

«Họ theo tiếng gọi của non sông,
Theo ngọn cờ linh sắc thắm hồng.
Lời dụ uy nghiêm và mạnh mẽ
Của Quang-Trung vằng dội trong lòng». (8)

(8) Đông-Phương.—Hồn Việt.

Chúng ta đã có hình ảnh của quân, chúng ta sẽ thấy bóng nghe vang của tướng, của vì chủ tướng, dưới ngọn cờ đào...

. . . .

«Mà chí lớn vẻ vang,
Mà nghiệp lớn huy hoàng,
Vẫn ngàn thu còn mãi...
Vẫn ngàn thu người áo vải đất Qui Nhơn!

. . . .

«Một phút oai thần dậy sấm,
Tan vía cường bang.
Cho bóng kẻ ngồi trên lưng bạch tượng
Cao chót vót năm màu mây chiêm ngưỡng

Dài mênh mông vượt khỏi lũy Nam-Quan,
Bóng ấy đã ghi sâu vào tâm tưởng,
Khắc sâu vào trí nhớ dân gian.
Một bành voi che lấp mấy ngai vàng!

«Ôi! Nguyễn-Huệ! Người anh hùng áo vải!
Muôn chiến công một chiến công dồn lại,
Một tấm lòng muôn vạn tấm lòng mang.
Ngọn kiếm trỏ, bao cánh tay hăng hái,
Ngọn cờ vung, bao tính mệnh sẵn sàng.
Người cất bước; cả non sông một dải
Vươn mình theo... Dãy Hoành-Sơn (9) mê mải

---

(9) Hoành-sơn là dãy núi chạy ngang, giữa hai tỉnh Hà-Tĩnh và Quảng Bình. Có là Trường-Sơn thì phải hơn vì dãy núi này chạy dọc từ Bắc xuống Nam.

Chạy dọc lên thông cảm ý ngang tàng,
Cũng chồm dậy đáp lời hô vĩ đại,
Chín con rồng bơi ngược Cửu-Long giang.» (10)

Thì số phận của hai chục vạn quân Tàu trá hình đi đô hộ nước người Nam đã được định đoạt từ giờ phút ấy, giờ phút mà niên hiệu Quang-Trung xuất hiện, làm mờ hai niên hiệu đương thời : một Thái-Đức ở Nam, một Chiêu-Thống ở Bắc, giờ phút lịch sử mà vị Hoàng Đế của dân Việt tự mình đội mũ đế vương, ngày 25 tháng mười một năm Mậu-Thân (1788), ngày làm lễ tế Đất, Trời, Sông, Núi, ngày ai theo ý muốn của tướng sĩ lên ngôi Hoàng Đế, ngày xuống chiếu ân xá cho tội nhân trong nước, ngày ban lịnh xuất toàn thủy, lục, sơn quân ra Bắc.

Rồi Tôn-Sĩ-Nghị khinh địch, lo tìm hưởng khoái lạc, thêm Lê-Chiêu-Thống u mê, như đứa bé dại khờ núp sau áo mẹ, cùng quần thần cạn hẹp lo báo oán rửa hờn nho nhỏ, càng giúp cờ đào của người áo vải đất Qui-Nhơn sớm phất phơ trên Thăng-Long thành khờ.

Và khi

«... Dưới nắng hồng, quân sĩ ngất ngây
Tung hô chủ tướng, tiếng vang dầy...», (8)

chúng ta không hẹn mà cùng nghĩ như nhau : người chủ tướng được toàn quân kính,phục, mến, thương tung hô vang dậy như gió rừng sóng biển ấy, chẳng phải là người họ Hồ tên Thơm, (11) họ Nguyễn tên Huệ, quân vương

(10) Vũ-Hoàng-Chương. — Bài ca bình Bắc, nhựt báo «Tự-do», số Tất niên, ngày 15-2-1958.

(11) Xin xem chú thích (2) trong đoạn trước.

Bình Bắc, Hoàng Đế Quang-Trung, áo cầm bào, mũ đế miện, mà là người áo vải ấp Tây-sơn đã đứng lên vì nghĩa cả, đánh tan những bất bình, dẹp tan loạn trong, đuổi mạnh giặc ngoài, thống nhất Bắc-Nam, hình ảnh chói ngời của dân tộc Việt.

Và lúc

«Quang-Trung vui vẻ nhìn trong gió
Cờ Việt huy hoàng phất phới bay...», (8)

chúng ta sao lại tưởng người của mùa Xuân chiến thắng ấy đang vui vẻ với gió reo, với cờ múa, với dân quân reo múa, và với người tổ tiên chiến bại họ Hồ, ba trăm tám mươi mốt năm về trước; Hồ-Thơm—Nguyễn-Huệ đang cười với Hồ—Lê-Quí-Ly, (12) người thất bại quá đỗi đau thương và vô cùng vĩ đại đang nguôi mối hận dài: một toàn thắng Đống-Đa đã rửa sạch ba thất trận: Đa-Bang, Mộc-Phàm-Giang, Hàm-Tử-Quan. Từ ba trăm tám mươi mốt năm, hồn Quí-Ly khắc khoải đợi một ngày này:

Mùng 5 tháng giêng
năm Kỷ Dậu (1789)

BÀI HỌC ĐỐNG ĐA

Giữ nước, đuổi thù, đem lại an vui cho dân đã quá khổ, lịch sử nước ta còn ghi hơn một chiến thắng lẫy lừng, nhưng chẳng chiến thắng nào vừa oai, vừa đẹp, vừa hùng, vừa nhanh, lại vừa quyết liệt và quyết định như trận Đống Đa. Lại thêm — nói như các cụ bảo vệ

(12) Quí-Ly lúc đầu mang họ cho nuôi là họ Lê, sau làm vua mới lấy họ thiệt của mình là họ Hồ.

luân lý và các ông nghệ thuật vị con người: — lành mạnh nữa, bởi lẽ kẻ yếu bị dồn vào cái thế không thề không chống lại kẻ mượn màu danh nghĩa mà thực hiện dã tâm chiếm nước non người.

Trận Đống Đa quả là *một tuyệt phầm của lịch sử chiến tranh, chẳng riêng gì của lịch sử chiến tranh nước Việt, mà của cả hoàn cầu.*

Nghiền ngẫm trong trướng phủ màn che, có; đốc xuất ngoài mặt biền mặt sông, giữa núi rừng cao, trên đường bằng thẳng, có; chế biến ngay trước rừng tên lửa đạn, có; tung trọn vẹn sức chân chạy mau, sức tay chống đỡ, bắn, đâm, sức mắt nhìn trên đường dài, nhìn trong đêm tối, sức miệng hét hò đến đất động trời kinh, đều có cả, có cả luôn sự tiếp sức đúng thì của sơn quân với binh bộ, của thủy quân với bộ binh, và nhất là sự phối hợp tuyệt vời nội công ngoại kích, của tâm lý, của chánh trị với quân sự đề cho sông Hồng Hà chảy máu, đề cho gò Đống Đa chồng xương của lũ tham tàn phương Bắc, đề cho mỗi năm cứ đến ngày mùng năm tháng giêng âm lịch là muôn lòng người Việt như một, hướng về một điểm: GÒ ĐỐNG ĐA, nhớ lại một người: HOÀNG-ĐẾ QUANG-TRUNG NGUYỄN-HUỆ.

Là vì, tinh hoa của dân tộc phát tiết sau một thời ly loạn, chia lìa, chua xót, đớn đau. Người anh hùng áo vải đất Tây-Sơn, với trận Đống-Đa, đề lại cho cháu con một bài học, một bài học vô ngần quí giá, một bài học bất chấp bề dâu cùng năm tháng.

Sức mạnh của binh ròng, súng tốt, lương đủ, thêm vào sức mạnh của mưu sâu, tính kỹ, đoán tài, lại thêm

vào sức mạnh của lòng tin son sắt, của lẽ phải hiển nhiên, của trên thuận lòng trời, dưới hợp lòng người, thì còn có gì địch nổi. Sá chi là một lũ quân Tàu kiêu căng, phách lối, ham bắt bớ, khoái đánh đập giam cầm, ưa giết chóc sướng tay, thích tiền của, bạc vàng, rượu ngọt, thịt nồng, gái tơ mơn mởn, lũ ấy thấy làm sao được nguy cơ đang ào tới, hiểu làm sao nổi chí kẻ hùng anh, lòng dân tấm tức.

Để cho quân thù hiu hiu tự đắc với đôi trận thắng dễ dàng, với lời cầu xin khúm núm, để cho «lòi mặt chuột» một Lê-Chiêu-Thống ươn hèn và cả lũ quần thần bán nước buôn dân, để cho lớp sĩ phu chân chính bất bình đến cực độ, để cho đám dân lành uất ức tận mây xanh, để cho những ai cùng mình xông pha chiến trận cũng như những ai sống dưới quyền mình đều kiêng oai, tùng phục bằng một đế hiệu rỡ ràng, có Trời, Đất, Núi, Sông và người người chứng kiến, để cho quân tướng càng vững tin ở đắc thắng cuối cùng: nhắc lại gương bất khuất của tiền nhân, gợi những phen đuổi thù ngoài từ trước, để cho dân tin tưởng mà đầu quân hăng hái, kính phục mà ăn Tết trước giờ đây để hẹn ngày Tết tuần sau tại Thăng Long thành, ồ giặc Tàu, ồ Việt gian. Nguyễn-Huệ cùng lớp mưu sĩ của Người thật quả là biết người, biết ta, biết đợi thời, biết tạo thế.

«Ai vạch chi những con đường trên mặt chảy?»
«Cho ngàn sau còn tiếc chi «hùng anh!»

SỰ NGHIỆP NHÀ TÂY-SƠN

Họ đứng lên, dựng cờ khởi nghĩa, năm 1771; Nguyễn

Nhạc xưng đế năm 1778; Nguyễn-Huệ tự đội mũ miện lên đầu, khai sanh niên hiệu Quang-Trung năm 1788.

Năm 1802, Nguyễn-Quang-Thùy tự tử; Nguyễn-Quang-Toản bị hành hình; Bùi-Thị-Xuân cháy trước những cặp mắt thỏa thuê của Nguyễn-Ánh và bầy tôi, sau khi bất lực chứng kiến con thơ bị voi kẻ thù chà, xé thịt xương, Nhạc, Lữ, Huệ bị đốt, bị nghiền, bị bắn ra khơi, còn đầu lâu thì bị xiềng trong trung ương ngục thất.

Từ ngày mang áo vải, mạnh dựng cờ đào đến ngày tan tành sự nghiệp : *ba mươi mốt năm.*

Từ ngày người anh cả mở màn cho nhà Tây-sơn đến ngày ba anh em tan xác chết ;*hai mươi bốn năm.*

Từ ngày người em út tự đội mũ đế vương lên đầu đến lúc đầu lâu bị cầm tù muôn thuở : *mười bốn năm.*

Mười bốn năm, hay hai mươi bốn năm, hay ba mươi mốt năm, có nghĩa lý gì, sánh với bốn ngàn năm văn hiến của dòng Lạc-Việt phát xuất từ bờ Động Đình Hồ để dừng chân tại cửa Cửu Long Giang.

Nhưng mà cuộc khởi nghĩa ở ấp Tây Sơn, nhưng mà tài, chí, mộng của kẻ anh hùng ngắn số, vẫn trường tồn cùng dân tộc mà ai kia đã góp phần vinh quang không phải ít.

Cầm đầu cuộc khởi nghĩa, là Nhạc, xưng đế trước tiên, cũng l` Nhạc. Nhưng người anh lớn lắm mưu mô, trí trá này chỉ là một kẻ tài trong một chặng đường nào đó, chỉ là một kẻ chỉ không khỏi nửa nước Việt dài : được như chúa Trịnh, được như chúa Nguyễn, hay quá lắm là như vua Lê không chúa Trịnh, không đòi hỏi gì hơn nữa; mà mãi đối phó với một Nguyễn-Ánh lục đục

hoài ở phương Nam, còn đầu óc, thì giờ đâu mà làm cái gì lớn, đẹp. Còn Lữ chỉ là kẻ tầm thường không cự nồi một kẻ lưu vong thất thế.

Nên chi, nói đến nhà Tây-Sơn, người ta nhớ đến Nguyễn-Huệ, và sự nghiệp Tây-Sơn với sự nghiệp Nguyễn-Huệ dường thể bóng với hình.

1788—1792.

Toàn quyền hành động trong bốn năm thôi, mà nội việc đuổi quân Tàu, đối phó với vua tôi nhà Thanh cũng đà chiếm mất nhiều thời giờ ngắn ngủi ấy, thế mà Nguyễn-Huệ đã làm xong, đã đặt móng, đã dự trù... lắm điều mà nhà làm sử sau này xét lại vẫn nao nao.

ĐỐI VỚI NHÀ THANH

Viện trợ quân, lương, giúp đỡ cố vấn, làm tròn bổn phận Trời giao cho nước lớn, mạnh, giàu: khôi phục lại nghiệp Lê cho một vì vua chư hầu cầu cứu, dẹp phường phiến loạn núi Tây cho dân tiểu quốc được an ninh, bao ý đẹp lời hay ở đầu môi chót lưỡi của vua tôi nhà Đại-Thanh đã bị tờ mật dụ mà Tôn-Sĩ-Nghị bỏ rơi trên đường trốn về thiên quốc làm thúi tha giá trị và phơi bày rõ rệt dã tâm của kẻ cầm đầu phương Bắc.

Tờ mật dụ ghi rằng:

«Nghe lời khanh, trẫm cho đem binh mã ra cửa ải, nhưng cứ nên từ từ đi lần, đừng vội... Khanh trước hãy truyền lịnh ra oai, rồi thả Lê thần về nước để họ chiêu tập nghĩa binh, tìm Lê-Tự-Tôn (13), đương đầu với

(13) Chỉ Lê-Chiêu-Thống

Nguyễn-Huệ đã. Nghe họ chọi nhau ra sao, bây giờ sẽ liệu.

«Nếu lòng người Nam còn mến Lê, thấy quân ta đến giúp, ai cũng phấn khởi hăng hái, thì Nguyễn-Huệ tất phải chịu lui. Bấy giờ sẽ sai Lê-Tự-Tôn tiến binh đuổi bắt Nguyễn-Huệ. Còn khanh thì kéo binh đến tiếp ứng sau. Thế là ta không khó nhọc mà được thành công. Đó là chước thứ nhất.

«Nếu trong nước Nam, nửa theo phe kia, nửa giúp phe nọ, thì Nguyễn-Huệ chắc không chịu lui. Vậy khanh nên đưa thư, dỗ bảo họa phúc xem Huệ xoay trở ra sao?

«Khi nào quân thuỷ của ta từ Mân (14), Quảng (15) kéo ra biển khơi, thì cứ đánh phá lấy Thuận (16), Ngãi (17) trước. Rồi mới thúc quân bộ tiến lên, khiến cho Nguyễn Huệ sau lưng và trước bụng đều thụ địch cả thì thế Huệ cũng phải hàng phục.

«Thế rồi ta cứ nuôi sống cả hai; Thuận, Quảng (18) về Nam cắt đứt cho Nguyễn-Huệ; Hoan (19) Ái (20) ra Bắc, chia cho Lê-Tự-tôn. Ta cứ đóng đại binh ở giữa, cai quản cả đôi. Về sau, sẽ lại liệu cách xử trí. Đó là chước thứ hai.» (21)

Và tướng Sĩ-Nghị họ Tôn cũng đã có sớ về tâu:

(...) «Nhân dịp này, nếu hưng phục cho Lê được

---

(14) Tỉnh Phúc-Kiến
(15) Quảng-Đông Quảng-Tây
(16) Thuận-Hóa
(17) Quảng-Ngãi
(18) Quảng Nam
(19) Nghệ An
(20) Thanh Hóa
(21) Hoa Bằng dịch.

rồi, ta sẽ đặt thú binh mà giữ lấy nước. Thế là vừa có ơn với Lê, lại vừa lấy được nước Annam : nhất cử lưỡng lợi ».

Con người chí lớn, nhìn xa, chẳng ngạc nhiên chút nào với điều bí mật bị « bật mí » trên đây. Người Việt xứng với danh nghĩa có dại gì mà tin lòng tốt vô tư của dòng Hán tộc, kẻ thù gần như truyền kiếp của mình : nước Trung Hoa quân chủ nhà Thanh do hoàng đế Càn Long lãnh đạo, nước Trung Hoa nhân dân do chủ tịch Trạch Đông cầm đầu, quan quân Trung Quốc thiên triều hống hách tràn qua, cán bộ Trung Quốc vĩ đại khéo khôn thâm nhập, tiếng giúp nước chư hầu loạn lạc, danh nâng nước đồng chí khồ nghèo..., có ai ngu ngơ, khờ khạo đề mà chẳng thấy sự lặp lại đau lòng dưới hình thức khác.

Trong trường hợp này, hẳn mà còn sống, cụ Phan Tây Hồ, người đã từng gởi cho chánh phủ thực dân Pháp bản « CÁI HỌA NGƯỜI TÀU TRÀN SANG NƯỚC NAM » (1906) có bác đi chăng cái câu dường như phản tiến bộ này :

« Lịch sử chỉ là một sự lặp đi lặp lại hoài hoài ».

Riêng Nguyễn Huệ chỉ cười, đưa tờ mật dụ nói trên cho Ngô Thì Nhiệm mà rằng :

« Ta xem tờ chiếu của nhà vua Thanh chẳng qua cũng muốn mượn tiếng đề lấy nước ta đó thôi. Nay đã bị ta đánh thua một trận, tất là lấy làm xấu hồ, chắc không chịu ở yên. Hai nước mà đánh nhau thì chỉ khổ dân. Vậy nên dùng lời nói khéo, đề khiến cho khỏi sự binh đao ; việc ấy nhờ nhà ngươi chủ trương mới được » (22)

(22) Trần Trọng Kim.

Còn ngay lúc đó, uy đã làm quân Tàu thất đảm thì ân theo liền, khiến chúng hoàn hồn, cảm phục: lịnh ban ra cấm người dân Việt không được giết lính Tàu trốn núp, kêu gọi quân Thanh ra thú, tánh mạng bảo đảm và được cấp lương ăn, áo mặc, phương tiện hồi hương. Hàng ngàn quân Tàu sống sót trở về quê nhà mà tưởng mình còn mơ.

Truyền thống hào hùng của dân tộc: không giết người dưới ngựa, không hại kẻ sa sơ, không giận cá chém thớt, từ Trần Hưng Đạo, qua Bình Định Vương đến Quang Trung vẫn còn nguyên vẹn.

Rồi sau cơn binh lửa đỏ trời lạnh nước, là ngoại giao mềm dẻo: vàng ròng, bạc nén lên đường sang Bắc cho vua tôi Thiên triều dịu nỗi xót xa và hiểu lầm chí người áo vải. Mà trận đại thắng thần tốc kia đã làm họ ngại ngùng khi ý muốn trả thù đến với họ. Mấy lời ba hoa của Tôn Sĩ Nghị viết trên tấm ván đề đỡ mất mặt với Chiêu Thống và đám tùy tùng: « Quang Bình bất diệt, tắc bất hưu » (Quang Bình, không diệt được, không thôi) chỉ là những chữ viết trên cát. Thiên triều cũng muốn yên ở phương Nam, mà sao cho còn thể thống.

Cho nên lời lẽ, giọng bức thư của Quang Trung gởi cho Càn Long, mà kẻ giữ chức ở biên giới là Thang Hùng Nghiệp đọc xong, hoảng hồn, không dám cho thư đến tay người nhận.

Ông Hoa Bằng đã dịch giùm ta bức thư ngoại giao đặc biệt này, (23) vốn ở trong « *Tây Sơn bang*

(23) Chú thích trong bức thư này đều của ông Hoa Bằng «Quang Trung » anh hùng dân tộc ».

giao tập» (sách của trường Bác Cổ Viễn Đông),

. . . .

«... Tôi là Nghyễn Quang Bình, ở khuất nẻo bên Annam, bấy lâu vẫn được tắm gội trong thanh giáo.

«Nguyên từ 200 năm tới nay, Quốc Vương họ Lê tôi mất quyền, việc nước vẫn do bầy tôi là họ Trịnh cầm nắm. Kịp đến tiên vương Lê Duy Chuyện (tức vua Hiển Tông nhà Lê» tuổi già, tiền phụ chính Trịnh Đồng mờ tối, biếng nhác: binh kiêu, dân oán, trong nước rã rời!

«Tôi vốn là kẻ mặc áo vải ở Tây Sơn, nhân thời thế, nổi lên làm việc. Mùa hạ năm Bính Ngọ (1786), cất quân ra diệt họ Trịnh, trả lại nước cho nhà Lê.

«Năm ấy (Bính Ngọ, 1786) tiền Lê vương tạ thế (24), tôi lại phò lập Tự Tôn là Duy Kỳ là người dâm bạo, không lo chính sự nước nhà: trong thì kỷ cương rối bét ở Triều đình, ngoài thì gây hiềm khích với biên giới. Lại còn hãm hại kẻ trung lương, giết chết người đồng tông là khác nữa! Thần dân trong nước chạy đến kề lề với tôi, nài xin đem binh ra trừ kẻ loạn.

«Tôi nghĩ: nước này là nước đã được Thiên triều phong cho, tôi đâu dám tự tiện làm việc phế truất?

«Mùa đông năm Đinh Mùi (1787), tôi sai một viên tiểu tướng đem quân ra hỏi tội những kẻ ở bên tả, hữu giúp Kiệt làm xằng thì Duy Kỳ lại sợ bóng sợ

---

(24) Vua Lê Hiển Tông (1740-1786) mất ngày 17 tháng 7 năm Bính Ngọ (1786).

gió, đương đêm chạy trốn, tự chác lấy cái lo vào mình!

« Mùa hạ năm Mậu Thân (1788), tôi tiến đến đô thành nhà Lê, lại giao cho Duy Cận, con tiền Lê vương giữ lấy nước, coi việc thờ tự. Tôi từng sai sứ giả sang gõ cửa ải, hòng đem hết nội tình trong nước mà trình bày.

« Nhưng mẹ Duy Kỳ đã trước sang Đầu Áo Ải (có sách viết là Khả Lưu Ải) kể lể xót xa với Tôn Sĩ Nghị, Tổng đốc Lưỡng Quảng, rồi lăn lưng cầu cứu.

« Sĩ Nghị là kẻ đại thần ở biên cương, đáng lẽ phải xét kỹ căn do, dò tìm cái cớ tại sao Duy Kỳ lại trốn bỏ nước và tại sao tôi phải vào nước, rồi tâu cùng Đại Hoàng Đế, đợi ngài phân xử để dẹp mối loạn.

« Trái lại, vì ham tài sắc, chỉ nghe lời đàn bà (chỉ mẹ vua Chiêu Thống), Nghị xé biểu chương của tôi, ném xuống đất, làm nhục sứ giả, xua đuổi về. Ý hắn muốn khua dân dấy binh, tăng công gây chuyện!

« Mùa Đông năm ngoái (Mậu Thân, 1788), Nghị điều bát, huy động nhiều quân, kéo ra khỏi cửa ải, mượn tiếng khôi phục nhà Lê, truyền hịch đi khắp trong nước, đổ tội cho tôi! Hắn chực đánh rốc đến Quảng Nam, đào cây đánh rễ, để trừ mối lo sau cho Duy Kỳ.

« Tôi ở hẻo lánh tận tít chân trời, đường sá xa xôi, núi sông cách trở, chẳng hay việc đó có hẳn do ý Đại Hoàng Đế sai làm hay do Tôn Sĩ Nghị vì một người đàn bà (mẹ vua Chiêu Thống) xui khiến, rồi mong kiêu hãnh lập công ở biên thùy để hòng kiếm lợi lớn?

« Hay tin có binh mã Thượng Quốc ra khỏi cửa ải, tôi nghĩ : tấc lòng « sợ mạng Trời, phục nước lớn » của mình bấy nay đã bị kẻ khồn thần ngăn trở mà cái cớ Duy Kỳ trốn bỏ nước kia lại bị che lấp không thông đạt lên được, sau này mối binh tranh bùng ra thì tai vạ không phải là ít !

« Ngô Hồng Chấn , viên tiểu tướng của tôi, bấy giờ đang đóng ở Lê Thành. Tôi sai nhóm hỏi ý kiến họ hàng Lê vương, văn võ thần liêu và kỳ lão cùng hào mục trong nước, thì muôn miệng một lời, ai cũng theo về với tôi.

« ... Bản tâm tôi không phải tham đất đai và nhân dân của nhà Lê đâu, song vì lòng dân ép buộc, tôi muốn từ chối cũng không sao được.

« Vì thế, tôi phải sai viên gia tướng là Trần Danh Bính cùng tám sứ thần đem ba đạo bẩm văn của Duy Cận, con Lê vương, và của quần thần cùng dân chúng đến gõ cửa tướng doanh, khẩn khoản nài xin Tôn Sĩ Nghị hãy cứ đóng quân ở nơi quan ải, tra rõ nội tình trước đây đã.

« Cùng một lúc ấy, tôi lại sai thả trả bọn tuần dương binh Hắc Thiện Tông bốn mươi người mà Ngô Hồng Chấn (tướng Tây Sơn) đã bắt được. Thế là tôi vẫn chăm chăm tỏ ý cung thuận, chứ có dám công nhiên chống cự đâu.

« Vậy mà Tôn Sĩ Nghị riêng nghe lời ton hót đặt để của mẹ Duy Kỳ, xoay hại Trần Danh Bính, giết bọn tuần dương binh (25), giam cầm sứ giả, lùa quân

---

(25) Bọn lính tuần dương này là người của nhà Thanh. Chẳng hay khi

vượt sông Nhị Hà (26), thẳng tới Lê thành (Thăng Long). Tướng tá của tôi phải rút quân về Nam.

« Tôn Sĩ Nghị được thể, tàn sát dữ quá! Hắn lại phi sức cho các quan nhà Lê lùng những tướng sĩ của tôi ẩn náu ở các thôn trại để bắt đem nộp. Ngày nào hắn cũng giết đến ba, bốn chục người! Chứa dồn lại có tới hơn hàng nghìn mạng!

« Duy Kỳ nhân dịp tốt ấy, tha hồ chém giết những chức viên sắc mục (27) đã theo tôi. Rất đỗi va phanh mồ cả những đàn bà có mang, không để sót giống lại! Cái ngón thảm độc ấy còn gì quá quắt hơn nữa!

« Ôi, kể ra, nhân dân ở nơi góc biển này, ai chẳng là con đỏ của Triều đình? Đại Hoàng Đế là bực « cửu quá hóa thành » há lại ưa viển vông, ham công lợi, trước gây sự với ngoài biên cương, khiến hạng dân vô tội phải sa vào vòng tên đạn?

« Thế mà Sĩ Nghị không biết lựa theo đức ý bề trên, lại đi giết người như ngóe, chẳng những riêng muốn cam tâm một mạng tôi, lại còn chực bắt giết cho kỳ tuyệt vây cánh của tôi nữa! Hắn rao toạc lên tờ hịch, cốt dồn người ta vào chỗ chết mới nghe.

« Ôi, cứ kể nhân, sĩ, giáp binh ở một dải bờ biển này sánh với Trung Quốc, không được một phần muôn. Nhưng lạch sâu trước, cọp dữ ở sau, lòng người sợ chết, tất ai cũng phải cố gắng hăng hái.

---

vua Quagn Trung đã tha, giao trả Tôn Sĩ Nghị rồi, tại sao Nghị lại giết chết đi thế? Có lẽ vì Nghị muốn gây sự với nước ta, nên mới làm việc khiêu khích ấy để gieo ác cảm giữa vua Kiền Long và vua Quang Trung chăng?

(26) Nguyên văn chép là sông «Phú lương»

(27) Nguyên văn là «viên mục».

«Tôi không tránh cái tiếng «ném chuột vỡ đồ», bèn đem dăm ba tên trai tráng trong làng trẩy ra.

«Mồng năm tháng giêng năm nay (Kỷ Dậu, 1789), tôi tiến đến Lê thành, những mong Tôn Sĩ Nghị nghĩ lại, họa may có thể đem ngọc lụa thay đồ can qua, xoay binh xa làm hội xiêm áo? Tôi nhũn nhặn xin yết kiến, nhưng Nghị không hề trả lời.

«Qua bữa sau, quân Sĩ Nghị xông vào đánh trước; vừa mới giao phong đã đổ vỡ, chạy tan bốn ngã, xô đè lẫn nhau mà chết. Thây xác đầy nội, nghẽn sông! Còn những quân chạy trốn ra các thôn trang ngoài thành lại bị dân gian đánh giết hầu hết. Ấy vì trước đây Nghị đóng đồn ở quanh thành, hắn không biết ngăn cấm quân gia để chúng hiếp hải, cướp chợ, làm cho nhân dân căm giận đến tận xương tủy!

«Ngay bữa vào thành, tôi lập tức ngăn cấm trong xứ: hễ thấy bại binh chạy trốn, nhân dân không được phép giết. Bọn tàn binh ấy được đưa đến đô thành còn hơn 800 người tất cả. Tôi đã sai lấy lương thực trong kho mà ban phát cho.

«Trộm nghĩ: Binh đao vẫn là việc bất đắc dĩ của thánh nhân. Đại Hoàng đế thâm nghiêm ngự nơi Cửu trùng. Những chuyện cương trường, Tôn Sĩ Nghị không hề tâu rõ từng việc một! Hắn che lấp tai mắt nhà vua đến nỗi làm cho sự thế rối ren đến thế.

«Châu chấu đá xe, tôi thật không dám. Song, cửa vua xa cách muôn dặm, hễ tôi nhúc nhích làm gì liền bị kẻ khổn thần hiếp đáp. Không sao nhịn nổi, nên hình tích mới dường như chống cự.

«Thiết nghĩ: nước tôi từ Đinh. Lê, Lý, Trần trở

đi, thế tại đổi thay, chẳng phải chỉ là một họ. Hễ ai có thể làm rào giậu ở phương Nam thì Thiên triều, lượng rộng như biển, thường vẫn làm ngơ lỗi nhỏ, lựa theo đạo Trời, cốt giữ lòng rất công bình, rất nhân từ, mà vun xới cho cái cây đã mọc, mặc dầu có những chuyện như bọn Ô Mã Nhi và Hoàng Ngũ Phúc đã làm bất lợi cho nước nhỏ này!

« Nay lòng trời đã chán nhà Lê, con cháu họ Lê đốn kém, hèn yếu, không được lòng dân theo về.

«Tôn Sĩ Nghị, vì cớ nông nổi, không thấu suốt sự tình và lý do, nên mới chực vùa giúp gây dựng lại cho họ Lê ấy. Hắn gây mối binh tranh, khiến cho bọn sinh linh phải cay đắng khốn khổ! Hắn lừa dối bề trên, tàn ngược kẻ dưới đến thế là cùng!

«Tôi đóng quân ở thành Long Biên (Thăng Long), nghển cổ ngóng trông về cửa Trời... Gọi có tờ biểu tạ tội và trần tình này nhờ quan Quảng Tây phân tuần tả giang binh bị đạo (chỉ Thang Hùng Nghiệp) chuyển tâu bày g úp.

«Nép nghĩ: Đại Hoàng Đế là bậc theo ý Trời, ban trị hóa, làm cho cành khô lại xanh tươi, cây kiệt lại nẩy nở. Xin Ngài lựa theo tự nhiên, thứ cho cái tội đón đánh Sĩ Nghị và xét cho tấc thành mấy phen đã gõ cửa ải, dâng lời tâu bày. Xin Ngài lập kẻ tư mục để chăn dân, dựng nước phên giậu để vững thế, ban ơn mệnh mới cho tôi làm Annam quốc vương, đứng làm phiên bình một phương, kính giữ cái chức phiên mục, khiến cho bản quốc có người cầm đầu cai quản.

«Tôi xin kính cẩn sai sứ sang cửa cung khuyết, xưng

phiên, sửa lễ cống (28). Lại sẽ xin đem số người (tù binh) hiện còn của nhà vua mà dâng nộp để tỏ tất dạ rất thật này.»

Cùng tờ biểu này, thêm bức thư cho Thang Hùng Nghiệp, mà đây là đoạn cuối với giọng kẻ đã biết người biết ta:

«... Ôi! quân lính cốt hòa thuận, không cốt đông, cốt tinh nhuệ, không cốt nhiều. Người khéo thắng là thắng ở chỗ rất mềm dẻo, chứ không phải lấy mạnh đè yếu, nhiều hiếp ít. Vì bằng chút tình trước đây không được bày tỏ, Thiên triều không chịu khoan dung một chút, cứ muốn động binh để tranh chiến, thế là làm cho nước nhỏ không được phục sự nước lớn, thì bấy giờ Đại quốc (29) có dạy bảo gì, tôi cũng chỉ xin theo thôi. (30)

«Nay có một tờ hịch của Tôn Sĩ Nghị trong nói toàn là những lời lăng loàn, chọc tức, gây hấn, xin đính trình một thể...»

Cái nhún nhường giả bộ ấy, che đậy gọi là cái khí hùng kiêu đã khiến Thang Hùng Nghiệp trước, Phúc Khang An sau, chẳng còn nuôi ý muốn phục thù rửa hận nữa. Thay Tôn Sĩ Nghị làm tổng đốc Đông, Tây Lưỡng Quảng, Phúc Khang An cho về nguyên quán năm mươi vạn quân chín tỉnh, tháng tư năm ấy và dân Việt ở ải Nam Quan không hề thấy bóng cây đại kỳ với sáu chữ «Đề đốc cửu tỉnh binh mã».

Rồi thì kẻ trấn biên cương, cùng bao người ở tại

---

(28) Chuyến cống này có các đồ phương vật là 10 vật vàng, 20 vật bạc (mỗi vật ăn 24 lạng)

(29) Chỉ nhà Thanh

(30) Ý nói có muốn đánh nhau thì ta sẽ đánh cho mà coi.

triều, kẻ dàn xếp, người vận động, kẻ dâng biểu, người lựa lời, ai ai cũng gợi lòng thương dân, cũng nhắc lại những lần xe đồ trước:

«Từ xưa đến giờ, Trung quốc chưa bao giờ đắc chí ở cõi Nam cả. Chính Tống, Nguyên, Minh rút cục cũng đều thua hỏng: gương ấy không xa, hãy còn sờ sờ».

Khiến người hoàng đế háo thắng của đế quốc Mãn Thanh phải vuốt giận làm lành, đưa cho hoàng đế dân Việt hai điều kiện đề gọi là dù có sao sao, mình vẫn là Thiên tử:

— Một là phải dựng đền thờ tướng Hứa Thế Hanh đã bỏ mình vì đại quốc tại đất nước Nam.

— Hai là vua nước Nam, năm tới, phải đích thân sang chầu và mừng vua phương Bắc ăn mừng tuổi tám mươi.

Vốn người sành tâm lý, Nguyễn Huệ đều làm thỏa mãn hai điều đòi hỏi này của thượng quốc. Điều trước, chút hình thức, chẳng chi khó cả. Song điều hai, chạm mạnh tự ái của người đắc thắng nuôi từ lâu mộng chẳng chịu cúi đầu trước kẻ thù truyền kiếp, chạm mạnh thể thống của một quốc gia độc lập vừa thành hình. Mà khước từ, chẳng được.

Một giải pháp thần tình được đưa ra: Quốc vương nước Việt sẽ sang chầu, song đó là quốc vương giả; cháu gọi bằng cậu, tướng mạo rất giống vua, Phạm Công Trị, được chọn đề đóng vai tuồng đặc biệt ấy.

Đối với nước Tàu, Nguyễn Huệ đã tỏ ra không khuất phục một cách vô cùng khôn khéo. Dịu có, xẵng có, mềm có, cứng có, tới có, lui có, làm kẻ cường lân

tự đại kia chẳng trách vào đâu được mà luôn luôn kiêng nể bậc đàn em kỳ cục mà biết điều nọ.

LO CHO DÂN GIÀU

Một mặt, tiếp tục đem lại an ninh thật sự cho nước nhà : bắt sống Lê Duy Chi, người hoàng tộc nhà Lê đã liên lạc với người Lào, âm mưu đánh phá kinh thành tương lai của Nguyễn Huệ : Phượng hoàng đô ở đất Nghệ An, diệt Trần Quang Châu, Dương Đình Tuấn, cựu thần nhà Lê đã từng đưa đường cho Tôn Sĩ Nghị đến Thăng Long và sau khi tướng Tàu này chạy về Tàu, lẩn lút mộ binh chống lại : dẹp con cháu cựu thần, vọng tộc Lê triều như Phạm Thái..., một mặt chấn hưng nền kinh tế đã nguy ngập vì loạn lạc kéo quá dài.

Dân nhiều nơi phải bỏ chốn chôn nhau cắt rún mà chạy đó, ẩn đây ; ruộng hoang gần như đâu đâu cũng có. Lệnh vua ban xuống :

— Chỉ những ai ở một nơi đã ba đời, thì mới được ở luôn lại đấy ; còn kỳ dư phải trở về làng cũ quê xưa ; chẳng tuân thì người gian lận bị tội đã đành, mà viên chức hành chánh địa phương cũng lãnh phần trách nhiệm ;

— Ruộng công, ruộng tư, ruộng bỏ hoang, thôn, xã khai lên cho chánh phủ, chánh phủ cho dân được lãnh làm các ruộng tư bỏ hoang và ruộng công, còn xã nào mà chẳng chịu khai khẩn ruộng hoang thì phải đóng thuế, mà thuế mới lại nhiều hơn thuế cũ,

Sự ép buộc khắt khe thật quá rõ ràng. Và hẳn là người đương thời rên, than không ít. Nhưng hai năm

sau giặc Bắc dẹp tan tành, là cảnh vắng từ lâu xuất hiện: cảnh mưa thuận, gió hòa, áo cơm đầy đủ.

Lại nhơn lúc vua Thanh mến vì, các quan Tàu trấn nhậm biên cương kính nể, vua Quang Trung điều đình với Trung Hoa mở chợ buôn bán ở miền ranh giới, miễn đánh thuế, để dân hai nước được qua lại buôn bán dễ dàng; đi xa hơn nữa, vua lại thương thuyết lập một ngân hàng tại Nam Ninh, một thành phố lớn của tỉnh Quảng Tây. Kinh tế ở trước mặt, mà chính trị, quân sự ở sau lưng, vua, tôi, và cả dân đế quốc Mãn Thanh hẳn chẳng một ai đoán biết.

Thuế má được chỉnh đốn lại, cho công bằng và cho ngân quĩ được dồi dào. Sổ sách được làm lại phân minh, ruộng chia làm công, tư, mỗi loại lại chia làm ba hạng. Tiền đồng được đúc để tiêu dùng.

Tuy cách ta mới một trăm bảy mươi bảy năm mà lắm dấu vết không còn, tài liệu hiếm hoi, lại thường bị kẻ thù xuyên tạc. May mà chúng ta còn được thấy thứ tiền đồng đúc đời Quang Trung, đời Cảnh Thịnh, nét chữ Nguyễn Huệ, một ít sắc ấn vua Tây Sơn... Tiền, chữ, sắc, ấn, còn sót lại chẳng bao nhiêu, càng khiến chúng ta thêm tủi thương, thêm quí trọng... (31)

NHÌN LẠI DẤU XƯA, NHỚ LẠI ĐỜI NGƯỜI VỀ TRƯỚC.

Nhìn lại chút dấu vết hiếm hoi nay còn sót lại của một triều đại tuy không dài song đã ghi hơn một điểm son trong lịch sử, chúng ta càng buồn cho kẻ đối thủ

(31) Các bạn muốn thấy đầy đủ hơn, xin tìm xem «La Sơn-Phu tử» của Hoàng Xuân Hãn, «Quang Trung» của Hoa Bằng.

may mắn của ba anh em Nhạc, Lữ, Huệ : Nguyễn Ánh. Chúng ta mến phục cái chí bền của vị chúa trẻ long đong này, nhưng chúng ta lại khinh thường cái tánh nhỏ nhen, «đàn bà» của ông : quật mồ, nghiền xương, trộn với thuốc súng bắn ra khơi, xiềng đầu lâu trong ngục chánh, còn lối trả thù nào chu đáo, kỹ càng và... ti tiện bằng, cùng những tiếng *«Ngụy Tây-sơn, đồ giặc nước, quân phiến loạn»...*, càng hạ xuống nhớp nhơ những người nắm trong tay uy quyền tột bực mà chí chỉ quanh với quẩn trong vòng dòng họ, mà đức độ hẹp hòi như đuôi tép mắt lươn.

Nên chi, đoạn «LÀM CHO NƯỚC MẠNH» đáng lý phải tiếp theo đoạn *«Lo cho dân giàu»*, chúng tôi xin để lại sau, mà xin ghi lại đây

MỘT SỐ Ý KIẾN XƯA NAY ĐỐI VỚI TRIỀU TÂY SƠN, NÓI CHUNG, VÀ ĐỐI VỚI NGUYỄN HUỆ, NÓI RIÊNG.

Chúng ta hãy thử xem một cuốn sách viết ngay trong buổi tối sáng tranh nhau ấy: cuốn *Hoàng-Lê nhất thống chí:*

«Lập tức truyền lệnh kén quân kị tinh tráng, ngày đêm đi gấp đường, kéo ra Thăng Long.. Đi 10 ngày đến nơi; chừng độ canh tư, Văn Nhâm (sách in Nhâm, chớ không phải Nhậm) đương ngủ say trong phủ. Văn Sở giấu mật truyện, không cho ai biết, và mật sai người ra thành đón Bắc Bình vương vào. Người nhà Văn Nhâm (sách vẫn in Nhâm) không ai biết cả, vụt chốc Bắc Bình vương vào đến nơi Văn Nhâm nằm, Văn Nhâm không biết. Bắc Bình vương sai võ sĩ là Hoàng Văn

Lợi đâm chết Văn Nhâm, khiêng thây bỏ ra phủ đường.

Giết người dưới ngựa, diệt kẻ đầu hàng, hành động hèn mạt và vô nhân đạo này, người tướng soái cũng như kẻ cầm đầu xứng với danh không khi nào làm. Thế mà một người như Nguyễn Huệ lại còn tệ hơn : sai ám sát một bề tôi của mình — một bề tôi mà mình tin rằng có tội nặng — lúc y còn ngủ say sưa !

Nhưng nếu chúng ta biết tác giả nó là Ngô Thì Chí, một ông quan trung của Lê mạt, từng chạy theo Lê Chiêu Thống, từng được vua này sai lên miền Lạng Sơn tụ tập đồ đảng..., thì hẳn chúng ta không còn chút ngạc nhiên nào.

Chúng tôi xin chép thêm lại đoạn kể hành vi ấy của Nguyễn Huệ, do các sử gia triều Nguyễn ghi trong bộ «Khâm định Việt sử» (in năm 1884), và do Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố dịch:

«Mùa hạ tháng tư năm mậu thân (1788), hiệu Chiêu Thống thứ hai, đời vua Lê Mẫn Đế, Nguyễn Văn Huệ vào Thăng Long, giết Võ Văn Nhậm, cho Ngô Văn Sở thay Nhậm nhận lấy quân quyền. — Nguyên khi Huệ sai Nhậm ra lấy Bắc Hà, trong lòng có ý ngờ, nên sai Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân làm tham tán để chia quyền, bèn mật bảo Sở: «Nhậm là con rể huynh vương, ta với huynh vương có hiềm khích, trong lòng hắn chắc không yên. Chuyến này đi, cầm trọng binh vào nước người, sự biến không thể liệu trước được ; ta để tâm không phải ở Bắc Hà, chỉ để tâm vào Nhậm. Người nên xét chỗ vi ẩn, mau mau bảo ta.» Kịp khi Nhậm thừa thắng tràn ra Bắc, vào Thăng Long,

bắt Hữu Chỉnh, tự cho mình là oai võ, khiến người ta phải phục, không kiêng nề ai, làm nhiều điều trái phép, tự đúc ấn chương, thiện tiện mệnh vua, chuyên quyền việc nước. Sở vốn cùng Nhậm có hiềm khích, liền mật thư vu cáo tội trạng làm phản của Nhậm, Huệ bèn đem thân binh thẳng tới Thăng Long. Văn Nhậm ra đón, Huệ nói chuyện ôn tồn, tỏ lời phủ ủy, sai lấy lọng của mình che, che cho Nhậm, đưa ngựa của mình cưỡi cho Nhậm cưỡi. Khi đã vào thành, Huệ sai người trói Nhậm, giao đình thần tra xét; khi tra xét xong, không thấy có tội gì, bèn phán rằng: «Ngươi không nên nhiều lời: tài ngươi hơn ta, ta không dùng.» Nói xong, sai người đem chém...»

Chúng tôi nhận thấy rằng các sử gia kể chuyện trên đây có ý hạ thấp con người Nguyễn Huệ, hạ thấp một cách khéo léo : không mắng chửi theo lối đàn bà con trẻ, hay phường hàng cá hàng tôm, mà làm người đọc thấy Huệ bất công, nham hiểm, ganh tài. Sử sách khác có nói, và chúng ta cũng đoán hiểu : Nhậm thắng Chỉnh rỡ ràng. Nhậm kiêu ngạo với Lê Duy Cẩn mà Nhậm tôn làm giám quốc bù nhìn, Nhậm lên mặt với các bạn mình, và là tướng có tài, có kinh nghiệm, là rể Nhạc đang cùng Huệ có chỗ xích mích, Nhậm có thể trở lòng và có thể khiến chúa mình trở tay không kịp.

Một người thấy xa, phòng trước như Huệ, vội bóp chết con chim đang muốn sổ lồng ấy, là sự quá thường đi mất. Cần gì phải đóng kịch khi chẳng cần, mà đóng vụng về quá : nhường lọng, nhường ngựa, rồi giao cho đình thần xét, lại không có tội gì ! Huệ lại kém cỏi đến thế ư ? Sắp đặt bên trong, dàn cảnh bên ngoài, thì dù Nhậm có thật trắng trong như tờ giấy bạch, cũng mang đủ ngàn thứ tội nhớp nhơ trước dư luận mà lãnh án tử hình. Chờ xét, xử làm chi, để

rồi phải thốt một câu «lịch sử» đáng thương đến ngần ấy. Tài của Nhậm là thứ tài gì? Một tướng giỏi, một tay sai đắc lực, một kẻ võ biền được nước, chấm dứt. Còn chánh trị thì chẳng được tích sự chi. Nội việc dựng giám quốc, rồi khinh người ta ra mặt, khiến sĩ phu Bắc Hà và dân chúng cười chê «thằng bù nhìn» và kẻ «làm ra nó», rồi đành chẳng biết phải làm sao, cũng đủ cho ta thấy Nhậm làm sao mà ngang hàng với Huệ được, mà Huệ tuyên bố thế, thử ai tin? Huệ tánh vốn nóng, muốn thì làm, làm thì phải được mới nghe. Thì một khi xét thấy đề Nhậm có hại cho mình, Huệ còn sợ ai, còn ngại chi mà chẳng áp dụng cái quyền tối thượng và chuyên chế của mình? (32)

«Ngươi hai lòng. Ta biết cả.
Ngươi phải chết.»

Rồi đầu Nhậm không còn.

Mau, gọn.

Lên án, rồi giao cho đình thần xét, đình thần xét vô tội, vị vương cương quyết ấy lại tìm một cái cớ tầm thường, bỉ ổi, lại hạ mình xuống dưới kẻ dưới tay mình đến thế à?

Ôi! những lý lẽ của những kẻ hùa theo kẻ mạnh, một khi người trong cuộc không thể hở môi!

Chuyện «Khâm định Việt sử» kể trên là để đưa ra một Nguyễn Huệ bất công, nham hiểm, ganh tài. Dưới đây, người ta hiểu sự hiềm khích giữa Nhạc Huệ sau

(32 Chúng ta đã thấy những tòa án mệnh danh là tối cao, là đặc biệt, là quân sự, là nhân dân của Mussolini phát xít, của Hitler độc tài, của Staline chuyên chế. Và hiện nay, đó là những cảnh quá thông thường của những nước theo chế độ phản dân chủ.

chuyến Huệ ra Bắc lần đầu một cách chẳng đẹp gì cho cả hai anh em ruột thịt ấy.

«Trong Nam, từ tháng tư (33), Nguyễn Văn Nhạc xưng đế ở Qui Nhơn, và phong cho Huệ làm Bắc Bình vương. Bắc Bình vương đóng đô ở Phú Xuân. Anh em không thỏa thuận về sự chia của cải lấy ở Bắc Hà về, cho nên sinh sự đánh nhau. Huệ đưa binh vào vây Qui Nhơn và tự xưng Chính Bình vương.

«Chí Huệ bây giờ rất lớn. Muốn lấy lại Bắc Hà...»(34)

Tiếc rằng Hoàng Xuân Hãn, nhà thạc sĩ về Toán Tây học này, quên nói xuất xứ, cũng như ông cử nhân Hán học Nguyễn Nam Đán (35) :

«Anh em từ đó sinh hiềm,
«Kho tàng của Trịnh, Huệ kiêm vào mình,
«Lại toan kiêm Quảng Nam Thành,
«Nhạc vì tiếc của, tức mình không cho.
«Huệ bèn gây mối thù to,
«Đem quân thẳng đến Nhạc đô vây tràn.»

Tham của, tham đất, đến phải giải quyết bằng tên đạn cuộc bất hòa với anh, Huệ xoàng xỉnh như bất cứ người tầm thường nào, tệ hơn là khác nữa. Hẳn hai nhà Tây, Hán học kia đều căn cứ vào lời của các sử thần ăn lộc Nguyễn triều. Chớ như chúng ta thấy, ra Bắc lần đầu, đạp bằng nghiệp Trịnh, tôn phù nhà Lê, Huệ vẫn «con em vẫn giữ lấy nền con em»: Nhạc sợ Huệ ở lại đất Bắc có biến, hấp tấp ra,

(33) Năm 1787

(34) «La Sơn phu tử», in năm 1952 ở Paris, nhưng viết xong tại Hà Nội từ năm 1945.

(36) Lịch sử vua Quang Trung. —«Tri Đức thư xã» xuất bản. Hà Nội, 1953

thì Huệ vâng lời anh, bí mật và chớp nhoáng về Nam. Của cải lấy được của họ Trịnh, còn mang danh nghĩa Bắc Bình vương do anh phong cho, Huệ mở túi tham chỉ cho dễ một tiếng cười, và cho lớp người biết điều theo mình có cơ to nhỏ; cũng như việc buộc anh cắt đất.

Huệ «tham» thật. Song đó là cái «tham» cao đẹp, Trên kia, Hoàng Xuân Hãn có nói: «CHÍ HUỆ BÂY GIỜ RẤT LỚN» Cái «tham» nằm gọn trong chí lớn nọ. Vàng ròng, bạc nén, ngọc ngà, châu báu với đôi tỉnh tương đối cằn cỗi ở phương Nam đã thuộc phần của anh cả mình, có nghĩa gì với cả lưu vực sông Mã, cả lưu vực sông Hồng, cả giang san nhà Lê bất lực và bất trắc, và cả Lưỡng Quảng của Tàu và cả nước non xa xưa của nòi Bách Việt, hồ Động Đình, sông Dương Tử. Tất cả ý chí của Huệ lúc đó là hướng về phương Bắc, là sắp sửa ngược đường Nam tiến. Thì chúng ta có thể cho rằng cái lý do sâu nặng của cuộc hiềm khích là sự cọ xát, rồi va chạm giữa hai anh em, giữa hai con người, giữa hai lý tưởng. Nhạc cho mình đã đạt đích: dựng nước riêng. xưng làm hoàng đế, thì an phận, mà hưởng... Con người và chí của Nhạc đã rõ rệt trong câu này nói với Lê Chiêu Thống: « Xin mong nhà vua gắng sức làm việc, giữ yên cõi đất, để đời đời giao hiếu với nhau, ấy là cái phúc của hai nước đấy.»

Một kẻ muốn ở yên trong một đoạn nước nhà, hai bên có núi cao biển rộng chở che, hai đầu có hai em ngăn đón..., một người thì muốn làm những gì mới, lạ, đẹp, to, đang ôm ấp lại giấc mộng xưa của ông tổ họ Hồ, thêm vào mộng mới của mình : thu phục lại vùng « nôi » của nòi giống: hồ Động Đình, sông Dương Tử, thì xích mích, rồi bất hòa, rồi

bất bình, đến phải mượn giáo gươm mà giải quyết, sự thật biết đâu là chẳng thế.

Chớ còn tham lam ba thứ bạc vàng, ham muốn đôi tỉnh nhỏ, nghèo, thì một khi vây chặt kinh đô Trung Ương hoàng đế, người đã bỏ vương hiệu Bắc Bình do anh phong, mà tự xưng Chính Bình vương—cơn bất bình đã đến tột độ người ấy sao lại chẳng làm nhục anh, truất phế anh, để kho tàng càng chật, để giang san mình càng dài về phía Nam, mà lại ôm anh mà khóc, rồi lui binh về, khi thấy anh đích thân lên thành bị khổn, khóc mà bảo mình: «Em nỡ lòng nào lại nồi da nấu thịt như thế.»

Chúng tội không có ý thần thánh hóa một nhân vật phi thường, mà thiên tài đã lộ ra lắm mặt, hoặc tìm mọi cách để gỡ tội, để biện hộ cho Huệ, khi thiên hạ đều chứng minh rằng Huệ có tội, Huệ kém, hèn. Đã là người, thì Huệ cũng như chúng ta, sao khỏi vài khi thường tình, sao khỏi đôi phen vụng tính, lỡ lời. Song vì tư hiềm, vì bợ đỡ, mà gán càng cho một kẻ chẳng được yên mồ những ý nghĩ, những hành vi dưới mực xoàng xĩnh, thì bổn phận của kẻ đến sau phải chăng là cố đặt giả thuyết có phần hợp tình hợp lý hơn?

Riêng chúng tôi, dù cho Huệ có lý đến đâu trong cuộc đem quân cùng anh tranh hùng, rồi vây ngặt Qui Nhơn, việc dùng quân sự thuần túy để giải quyết cuộc hiềm khích giữa anh em một nhà, đã là điều chẳng đáng khen.

Huống chi hành động này của Huệ lại là một cái cớ—dù là phụ đi nữa—giúp cho Nguyễn Ánh vươn lên, làm rạn nứt thành trì vốn kiên cố của nhà Tây Sơn, nhà Tây Sơn của ba anh em cùng nằm gai nếm mật.

Để lật qua không luyến tiếc những lời, những ly của lớp người đắc thế nhất thời ngậm máu phun người xấu số, chúng ta hãy nghe thêm ít câu trong « Đại Nam quốc sử diễn ca ». *một tác phẩm được biết nhiều vì làm bằng thơ lục bát, và tác giả được một ông vua nhà Nguyễn « thưởng cho tấm lụa với hai đồng tiền » :*

« — Bấy giờ có giặc Tây san...

— Ngụy Tây gầm ghé mặt ngoài...
— Tiếng đồn nghe đến giặc Tây...
— Ngụy Tây vốn kẻ hung tà...
— Ngọc Hân vừa trạc đào hồng,
Ép duyên kim cải kết lòng sài lang » (36)

Nếu câu thơ « Biết ai là dại, biết ai khôn » *được thành tục ngữ, thì câu thơ này mà thi sĩ Hoàng Cầm để trong miệng một người điên lúc Nguễn Ánh mới lên ngôi cũng mong được số phận may mắn ấy :*

« Đó là giặc, biết ai không là giặc ? »

oOo

« Đó là giặc, nhưng nghiêng trời trí dũng,
Cũng làm vua và cũng biết thương dân.
Mấy nghìn năm ta mới gặp một lần,
Đó là giặc, biết ai không là giặc ?
Một nước nhỏ mà phân chia Nam, Bắc,
Xâu xé nhau vì hai chữ lợi danh :
Tam Vương, Ngũ Đế, cướp đất, phá thành...
Mấy trăm năm nghe dân tình xao xác.

---

(36) Sài lang : Chó sói tàn ác; tác giả bài ca thiên về nhà Nguyễn, nên dùng những danh từ quá đáng vu bói công để chỉ Tây Sơn. (lời chú của Hoàng Xuân Hãn)

Thay nghĩa lý thánh hiền bằng giáo mác,
Và lẽ trời theo máu đã trôi xa.
Đấng Cao Xanh thì thẹn trót sinh ra,
Một giống vật lấy tên là « Nhân Loại »,
Nên phải có người say cùng kẻ dại
Trốn ra ngoài rơm rác của cuộc đời,
Ta thấy ai vừa thắng trận lên ngôi...
Đó là giặc, mà ai không là giặc? »

Nhà Nguyễn đề mất nước, còn chút ngôi lung lay, còn tí quyền vậy vậy, mới có đôi lời phán xét vô tư và công bình. Năm 1919, Lệ Thần Trần Trọng Kim cất tiếng : (37)

« Những người làm quốc sử nước Tàu và nước ta, thường cứ chia những nhà làm vua ra là *chính thống* và *ngụy triều*. Nhà nào, một là đánh giặc mở nước, sáng tạo ra cơ nghiệp, hai là được kế truyền phân minh, thần dân đều phục, ba là dẹp loạn yên dân, dựng nghiệp ở đất trung nguyên, thì cho là *chính thống*. Nhà nào, một là làm tôi cướp ngôi vua, làm sự thoán đoạt không thành, hai là xưng đế, xưng vương ở chỗ rừng núi, hay là ở đất biên địa, ba là những người ngoại chủng vào chiếm nước làm vua, thì cho là *ngụy triều*.

« Vậy nay, lấy những lẽ ấy mà xét xem nên cho nhà Nguyễn Tây Sơn làm chính thống, hay là ngụy triều, để cho hợp lẽ công bằng và cho xứng cái danh hiệu của những người anh hùng đã qua.

« Nguyên nước ta là nước quân chủ, lấy cái nghĩa vua tôi làm trọng hơn cả, thế mà từ khi nhà Lê trung hưng trở về sau, họ Nguyễn hùng cứ phương Nam, họ

(37) Việt nam sử lược.

Trịnh xưng chúa xứ Bắc; trên tuy còn tôn vua, nhưng mà quyền về cả nhà chúa. Trong nước ta đã có vua lại có chúa, làm thành ra vua không phải là vua, tôi không phải là tôi, ấy là một thời loạn. Đến sau ở trong Nam thì có Trương Phúc Loan chuyên quyền làm bậy, ở ngoài Bắc thì có kiêu binh làm loạn, giết hại quan đại thần, vua chúa phải nhún mình mà chiều đãi, đình thần phải khoanh tay mà chịu một bề, ấy lại là một lúc đại loạn vậy.

«Lúc ấy anh em Nguyễn Nhạc là người dân mặc áo vải, dấy binh ở ấp Tây Sơn, chống nhau với chúa Nguyễn để lập nghiệp ở đất Qui Nhơn. Tuy rằng đối với họ Nguyễn là cừu địch, nhưng mà đối với nước Nam, thì chẳng qua cũng là một người anh hùng lập thân trong lúc biến loạn đó mà thôi.

«Còn như Nguyễn-Huệ là vua Thái Tổ nhà Nguyễn Tây Sơn, thì trước giúp anh bốn lần vào đánh đất Gia Định đều được toàn thắng, phá hai vạn quân hùm beo của Tiêm La chỉ còn được mấy trăm người lủi thủi chạy theo về nước; sau lại ra Bắc Hà, dứt họ Trịnh, tôn vua Lê, đem lại mối cương thường cho rõ ràng. Ấy là đã có sức mạnh mà lại biết làm việc nghĩa vậy.

«Nhưng vì vua nhà Lê nhu nhược, triều thần lúc bấy giờ không ai có tài kinh luân, lại để cho Trịnh Bồng và Nguyễn Hữu Chỉnh nối nhau mà chuyên quyền, đến nỗi thành ra toán loạn. Dẫu thế mặc lòng, khi Nguyễn-Huệ giết Vũ Văn Nhậm rồi, không nỡ dứt nhà Lê, đặt Giám quốc để giữ tông miếu tiền triều: như thế thì cách ở với nhà Lê không lấy gì làm bạc.

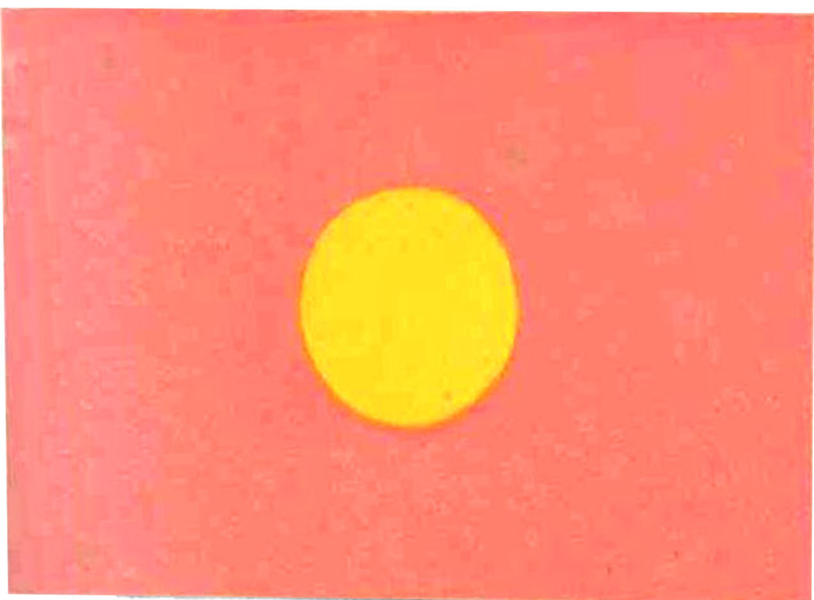
«Sau vua Chiêu Thống và bà Hoàng Thái Hậu đi

sang kêu cầu bên Tàu, vua nhà Thanh nhân lấy dịp ấy mượn tiếng cứu nhà Lê, để lấy nước Nam, bèn sai binh tướng sang giữ thành Thăng Long. Bấy giờ cứ theo như tờ mật dụ của vua nhà Thanh, thì nước Nam ta, bề ngoài tuy chưa ra mất hẳn, nhưng kỳ thực đã vào tay người Tàu rồi.

« Vậy nước đã mất, thì phải lấy nước lại, ông Nguyễn Huệ mới lên ngôi Hoàng Đế, truyền lịnh đi các nơi, đường đường chính chính, đem quân ra đánh một trận, phá hai chục vạn quân Thanh, tướng nhà Thanh là Tôn-Sĩ-Nghị phải bỏ cả ấn tín mà chạy, làm cho vua tôi nước Tàu khiếp sợ, tướng sĩ nhà Thanh thất đảm. Tưởng từ xưa đến nay, nước ta chưa có võ công nào lẫm liệt như vậy.

« Vả đánh đuổi người Tàu đi, lấy nước lại mà làm vua, thì có điều gì là trái đạo? Há chẳng hơn nhà Lý, nhà Trần, nhân lúc ấu quân, nữ chúa mà làm sự thoán đạt hay sao? Vậy thì lấy lẽ gì mà gọi là ngụy? Huống chi sau vua nhà Thanh cũng công nhận cho ông Nguyễn Huệ làm vua nước Nam, là lại sai sứ sang phong cho ông làm An Nam Quốc Vương theo như lệ các triều trước, như thế thì nhà Nguyễn Tây Sơn mở nước có khác gì nhà Đinh và nhà Lê không?

« Tuy rằng chẳng được bao lâu nhà Nguyễn Tây Sơn sinh ra nội loạn, vua Thế-Tổ Cao-Hoàng nhà Nguyễn lại thu phục được cơ nghiệp cũ mà nhất thống cả Nam Bắc lại làm một, nhưng việc thành bại hưng vong là mệnh trời, vả lại khi hai người anh hùng đuổi một con hươu, tất là người nọ gọi người kia là cừu



CỜ QUANG TRUNG

羅山夫子阮



ĐỒNG TIỀN ĐỜI TÂY-SƠN

« Quang-Trung thông bảo »



Chữ viết (*La-sơn phu tử Nguyễn*) và ấn riêng của Quang-Trung (*Ngự dụng chi ấn*)

địch. Vậy lấy lẽ tôn bản triều (38) mà xét thì nhà Nguyễn Tây Sơn là ngụy, mà lấy công lý mà suy thì vua Quang Trung Nguyễn-Huệ là một ông vua cùng đứng ngang vai với vua Đinh-Tiên-Hoàng, vua Lê-Thái-Tổ, mà nhà Nguyễn Tây Sơn cũng là một nhà chính thống như nhà Đinh và nhà Lê vậy.»

Bốn mươi bảy năm qua, sống dưới chính thể cộng hòa, nhà Nguyễn bù nhìn và tồi tệ bị gạt ra lề lịch sử, đọc lại những lời lẽ, lập luận trên đây, chúng ta chẳng thấy cần phải thêm gì nữa, chỉ có ý «những việc thành bại hưng vong là mệnh trời» *là đa số chúng ta, (nếu chẳng phải là tất cả) không đồng với tác giả «Nho giáo»: người nghĩ suy, người chọn lựa, người hành động, bạn giúp, thù phá, số đông cam chịu, phản ứng thuận hay nghịch, rủi, may, tình cờ..., người gieo gì thì gặt nấy, sớm muộn tùy khi, chính người dựng Thiên đàng hay xây Địa ngục; trách nhiệm về mình, thành bại phần chánh do mình; còn «Trời hại ta!» là vì không tự xét.*

1919, Trần Trọng Kim mạnh dạn lên tiếng thế, mà đến 1942 — 23 năm sau — Dương Bá Trạc lại chẳng thể im lời:

«Vua Quang Trung khởi thân chỉ một manh áo vải ở đất Tây Sơn, gặp lúc triều Lê suy sút, Nguyễn, Trịnh tranh giành, non nước tan tành, nhân dân chìm cháy, ngài có cái chí khí hơn người, cái tài lược xuất chúng, cái độ lượng dung hiền, nạp sĩ, cái qui mô định loạn an bang, ra mà đảm nhiệm cái việc trừ bạo cứu dân lúc ấy, có gì tiếm thiết, là tà tư? Vậy há nên cứ gọi là ngụy triều mãi?. . . . .

(38) Xin nhắc lại: tác giả xuất bản sách năm 1919.

« Ta phải công nhận ngài là vị anh hùng cứu quốc nước ta, chẳng những suy tôn ngài là nhà vua chính thống vậy.

« Tay không gây dựng nồi cơ đồ,
« Đế bá tung hoành một sất phu :
« Thuận Hóa bay thuyền xua tướng Trịnh,
« Thăng Long phóng ngựa đạp quân Hồ.
« Hoàng thống chớ lầm chia chính, ngụy,
« Anh hùng đáng mặt sử minh đô. » (39)

Chúng ta cần xét lại hai tiếng thất phu *trong bài thơ. Kẻ dân thường, người nhỏ hèn, chút ý nghĩa khinh khi ần trong danh từ ghép này. Nhớ lại câu thơ của Đồ Chiểu trong Lục Vân Tiên :*

« Uổng trang thục nữ sánh cùng thất phu. »

Nguyễn-Huệ là một nông dân áo vải, là một tên dân thường, chính Huệ cũng không giấu nguồn gốc khiêm tốn của mình. Song bảo người anh hùng dân tộc, xưng vương, lấy hiệu Chính Bình, *xưng đế, chọn hiệu* Quang-Trung, *bảo rằng người thiết tha với nền quốc học là kẻ dốt, là tên vô học, thì — dầu không biết chữ chưa phải là cái tội, nhất là thời ấy — phải chăng là cố ý bôi nhọ con người mình sợ ghê hay ghét lắm?*

Năm 1944, trong cuốn « *Quang-Trung* », Hoa Bằng chép :

« Thụ nghiệp giáo Hiến (không rõ họ của Hiến là gì), anh em Nguyễn Huệ, từ trẻ, đi học, đã được giáo Hiến đặc biệt chú ý.

---

(39) (Tuần báo «*Tri tân*». số 35, ngày 18-2-1942)

« Giáo Hiến nguyên là môn khách nhà Trương Văn Hạnh, ngoại hữu dưới triều Định Vương (1765-1778). Vì sợ vạ lây sau khi Hạnh bị Phúc Loan giết chết, Hiến phải trốn vào Qui Nhơn, mở trường dạy học ở ấp Yên Thái.

« Thấy Nguyễn-Huệ nhanh nhẹn, khỏe mạnh, can đảm, mắt như chớp sáng, tiếng như chuông vang, Hiến biết ngay là một thanh niên lỗi lạc có cái tương lai phi thường. »

Người lỗi lạc, thì học một biết mười ; được thầy đặc biệt để ý, thì sự hiểu biết, sự tiến bộ không thể căn cứ vào số ngày tháng ngồi « chi, hồ, dã, giả ».

Năm 1945, trong bài tựa cuốn « *La Sơn Phu Tử* », Hoàng Xuân Hãn ghi :

« Một cụ già thắp hương, vái, rồi lấy ống sắc mở ra. Rút mãi, kéo ra một cuốn giấy cũ. Tôi trong lòng hồi hộp, tay mở cuốn ra xem. Bèn thấy dấu son còn đỏ chói ; chữ mực vẫn chưa phai, duy chỉ giấy xưa lâu ngày đã thành vàng úa, và bị cuốn chặt quá nên mép rách sờn.

« Nào chiếu, nào thư, nào tờ truyền, nào đạo sắc.

« Niên hiệu Cảnh Hưng, Thái Đức, Cảnh Thịnh, Quang Trung. Lối chữ đủ lối chân, lối thảo, lối nghiêm trang của người thư lại, lối linh động của bực túc nho.

« Chợt thấy một bức chữ son, nét son Tàu đỏ thẫm. Nét bút vụng về nhưng vạm vỡ. Mắt tôi không chớp, lòng tôi băn khoăn. Hẳn đây là thủ bút của một vua nào ! Niên hiệu đề Thái Đức, nhưng lời thư bằng Nôm là của vua Quang Trung ! Mà di bút ấy lại là bức thư

mà Quang Trung tự viết mời phu tử xem đất đóng đô. Lời thơ lại bằng Nôm. Đó là một sử liệu quí giá vô ngần, nó tỏ rằng Quang Trung cũng biết chữ nhưng không thông; rằng Quang Trung dùng chữ Nôm trong công văn; rằng Quang Trung biết trọng hiền tài (...)»

Và ở chương XIV; *Xem đất làm đô ở Nghệ An.* (...): «Nét bằng son hồng điều nay còn rất tươi. Tuy nét bút cứng cáp chững chạc, nhưng cũng rõ là người viết chưa luyện».

Nhận xét cuối cùng này, chẳng ai lấy làm lạ. Con người bình dân học vừa đủ dùng, tay tuốt gươm nhiều không biết bao nhiêu lần cầm bút, thì khi hạ bút, chữ có không đều, có tô đi sửa lại, có viết lầm tên Nguyễn Thiếp ra Nguyễn Thiệp, là việc thường. Phi thường là dùng chữ Nôm thay chữ Hán để thảo chiếu, tờ chiếu bằng văn Nôm duy nhất may mắn còn sót lại đến ngày nay.

Cho nên, dầu phải mắc tội «quá tham lam», chúng tôi không thể nhân dịp này mà chẳng sao lại tờ chiếu lịch sử — vừa lịch sử chánh trị, vừa lịch sử văn học — của con người lịch sử ấy:

«Chiếu truyền La Sơn phu tử Nguyễn Thiệp khâm «tri. Ngày trước ủy cho phu tử về Nghệ An tướng «địa làm đô cho kịp kỳ này hồi ngự. Sao về tới đó, «chưa thấy đặng việc gì. Nên hãy giá hồi Phú Xuân «kinh hưu tức sĩ tốt.

«Vậy chiếu ban hạ phu tử tảo nghi dữ trấn thủ «Thận cọng sự, kinh chi dinh chi, tướng địa tác đô tại «Phù Thạch. Hành cung sảo hậu cận sơn. Kỳ chính địa, «phòng tại dân cư ư gian, hay là đâu cát địa khả đô, «duy phu tử đạo nhãn giám định.

« Tảo tảo bốc thành ! Ủy cho trấn thủ Thận tảo « lập cung điện. Kỳ tam nguyệt nội hoàn thành, dĩ tiện « giá ngự. Duy phu tử vật dĩ nhàn hốt thị.

« Khâm tai ! Đặc chiếu.

« Thái Đức thập nhất niên, lục nguyệt, sơ « nhất nhật ».

Lời Nôm mà có pha Hán. Thành nay khó hiểu, Hoàng Xuân Hãn viết lại giùm chúng ta theo giọng giờ đây.

« Chiếu truyền cho La Sơn phu tử Nguyễn Thiệp được biết. Ngày trước, ủy cho phu tử về Nghệ An xem đất đóng đô cho kịp kỳ này ngự giá ở Bắc về trú. Sao ta về tới đó thấy chưa được việc gì ? Nên ta hãy hồi giá về Phú Xuân kinh cho sĩ tốt nghỉ ngơi.

« Vậy chiếu ban xuống cho phu tử nên sớm cùng ông trấn thủ Thận tính toán mà làm việc, xem đất đóng đô tại Phù Thạch. Hành cung thì để phía sau khá gần núi. Chọn đất hoặc ở chỗ có dân cư, hoặc chỗ nào đất tốt có thể đóng đô được, là tùy phu tử lấy con mắt tinh mà xét định.

« Sớm sớm chọn lấy, giao cho trấn thủ Thận chóng dựng cung điện. Hẹn trong ba tháng thì xong, để tiện việc giá ngự. Vậy phu tử chớ để chậm chạp không chịu xem.

« Kính thay. Đặc chiếu...

« Thái Đức năm thứ 11, tháng 6, ngày mồng 1 ». (40)

Tức và tiếc cho kẻ thừa hưởng công trình xây móng nhất thống nước non nhà của Quang Trung là

---

(40) Tức năm 1788.

Gia Long lại chẳng biết phát triển nền văn học Nôm, khiến sau này chúng ta chẳng được đọc một chiếu nào của triều Nguyễn viết bằng tiếng mẹ đẻ cả, đề thụt lùi trở lại, học nhờ viết mượn thêm cả trăm năm hơn.

Khiến hơn thế kỷ rưỡi, lắm người còn nhắc nhở cái sáng kiến và hùng tâm nói trên, đã một thời bị xóa mờ vì cái thất bại đau đớn của cha con họ Hồ.

Như Khồng Cưu là một:

« Nguyễn Huệ (...), một bực anh hùng có một không hai trong lịch sử nước ta. Người có tài cầm binh đánh giặc, lập mưu, bày kế, giỏi ngoại giao cũng như nội trị, lại có cặp mắt trông xa và kiến thức cao vút, đã sớm biết quí trọng tiếng mẹ đẻ. Người anh hùng luôn luôn mặc áo vải đề không quên rằng mình gốc là một nông dân xuất thân đã cho tiếng mẹ đẻ được một địa vị quan trọng, đề mong nhờ nó mà truyền bá tư tưởng và làm cho nền giáo dục được phồ thông trong dân chúng. Chỉ một việc trọng tiếng mẹ đẻ này, người đời sau cũng thấy cái óc sáng kiến của nhà chính trị siêu quần này.

(...) « Xem thế thì đủ biết Nguyễn Huệ là một ông vua đi sát với quần chúng nhờ dùng tiếng Nôm, chớ không phải dựa nơi một bọn sĩ phu chỉ có dồi mài Nho Học.

« Đây là một bài học cho những kẻ ra làm chính trị mà nói tiếng mẹ đẻ không xuôi, hoặc đọc diễn văn chỉ nhờ người làm giúp... (41)

Dùng chữ Nôm, dựng quốc học, Nguyễn Huệ chẳng

(41) Báo « Sinh hoạt », số 3, ngày 29-2-1948.

người theo, sau đó, như Qui Li, trước kia; và cũng như Qui Li, Nguyễn Huệ, dù giờ đây có được lớp đến sau thương, phục, cũng chẳng còn mồ để người Việt đến đốt một nén hương.

Khiến mười lăm năm xưa, Hoa Bằng Hoàng Thúc Trâm đã ghi mấy dòng cảm khái (42)

« Ở đời, muôn sự của chung,
« Hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi.

« Lê đồ! Chiêu Thống cầu viện nhà Thanh, chỉ là một lối « rước voi cõng rắn ».

« Người Thanh thả sít bắt sộp, chực đớp nước Nam, chứ yêu gì Lê, ghét gì Nguyễn (Tây Sơn). Giả bấy giờ không có vua Quang Trung, thì nước ta ra sao?

« Vậy, công đuổi Tôn Sĩ Nghị, quét sạch hai mươi vạn quân Mãn Thanh, giữ vững tự do, chủ quyền và lãnh thổ Việt Nam ở cuối thế kỷ mười tám, thật chẳng kém Lý đánh Tống, Trần phá Mông Cổ, Lê bình Ngô...

« Vả, muốn cho nước mạnh, dân giàu, vua Quang Trung lại mài nanh, rũa vuốt, luyện tướng, rèn binh, định khôi phục lấy đất cũ, luân vong ở phía Bắc. Giá ngài thêm thọ, đừng vội ôm chí mà thác, thì nước ta sẽ lại ra sao?

« Ôi! Là người đồng thời và ngang hàng với Nã Phá Luân thứ nhất, Quang Trung cũng có thiên tài về quân sự, cũng có thủ đoạn thần tốc trong việc hành binh, cũng có sáng kiến khác thường trong công cuộc

---

(42) Tháng 8, năm 1943, tựa quyển « Quang Trung », in lần đầu, năm 1944.

kiến quốc, cũng có chí khí hào hùng, hoài bảo cao cả... Vậy mà Nã được gởi nắm xương trong đền Invalides (43) để cho người sau hoài niệm viếng thăm; còn Quang Trung: mả phải đào, xương phải tán (44) dòng dõi bị tru di, sự nghiệp liệt liệt oanh oanh gói tròn trong một chữ « Ngụy ».

« Trèo lên Đống Đa (ở ấp Thái Hà, Hà Đông), trông ra bốn mặt: nào gái, nào trai, nào áo, nào mũ, nào ngựa kéo xe, nào trâu cày ruộng, gió bụi lưng trời mờ mịt... Quang Trung nào đâu? »

Sau cuộc cách mạng 1945, người anh hùng áo vải đất Tây Sơn lại càng được nhắc nhở với những lời khen tiếng chê thẳng thắn, cởi mở. Chúng ta hay nghe Phạm Văn Sơn nêu cao con người quân sự của Nguyễn-Huệ:

« Vua Quang Trung Nguyễn-Huệ tuy là nhà võ xuất thân, sức khỏe phi thường, nhưng không phải là hữu dõng vô mưu. Ngài là nhà tướng siêng năng, cần mẫn, săn sóc đến quân lính, năng cho luyện tập, tuy rằng trong gần mười năm trời chiến trận luôn mà những bữa nghỉ công vẫn bắt quân lính luyện cho khỏi quên. Ngài lại hay dùng chiến thuật chớp nhoáng, tập trung sức mạnh để tấn công địch đông hơn mà vẫn lâm vào thế

(43) Đền danh tiếng của nước Pháp ở Paris: di hài Napoléon đệ nhất và, di hài nhiều vị thống chế nước Pháp được giữ gìn nơi ấy.

(44) Tuy vậy, Nguyễn Huệ may mắn hơn Hồ Quí Li: gửi thịt xương trên đất, trên nước Việt, tên được chọn đặt tên đường, tên trường...

cô. Có tài làm cho quân sĩ tin vào chủ tướng và sự thắng trận, vận chuyền binh mã rất nhanh chóng, nếu thấy thế yếu thì rút lui ngay, không ham chiến.»

Phạm Văn Sơn
(Việt Nam tranh đấu sử — Vũ Hùng xuất bản Hà Nội - 1950).

Toàn là lời khen. Hữu dõng lại hữu mưu, có tài chế biến, có mắt nhìn xa, luôn luôn sẵn sàng, luôn luôn sáng suốt, bao nhiêu đức tánh do tác giả «Việt Nam tranh đấu sử» nêu lên, không một sử gia nào có công tâm mà chẳng nhìn nhận.

Dựng sự nghiệp bằng đường gươm mũi giáo, cứu dân cứu nước trước rừng tên mưa đạn, Quang Trung sừng sững trên đài vinh quang dân tộc với chiến mã xông pha, với chiến bào đen thuốc súng.

Khi tiến biết tiến, khi lùi biết lùi, khi phải dụng sức, thì tung toàn sức, khi cần dụng mưu, thì khéo tìm mưu, con nhà tướng đến chết chưa hề nếm mùi thất bại ở sa trường ấy lại được những lời khen nồng nhiệt dưới ngòi bút ông Ngọc Dương:

«Trong lịch sử Việt Nam, Nguyễn Huệ là viên tướng tài giỏi bậc nhất ; vừa có uy vũ, vừa có đức độ, đã tổ chức toàn dân thành bộ máy chiến tranh, và hành quân một cách cực kỳ nhanh chóng».

Ông Ngọc Dương lại ghi công thống nhứt cho người áo vải ấp Tây Sơn : (...) «Nguyễn Huệ, nhà dụng binh số một ở Việt Nam, một viên tướng có sức khỏe, mưu lược vô cùng, khôn ngoan đặc biệt, một tay tổ chức quân đội và thống nhất được sơn hà trong khi Trịnh, Nguyễn đánh nhau hàng trăm năm mà không dứt.»

Con người kiêu hùng ấy, như sấm như sét trong việc dùng binh, lại cũng là người giàu tình nặng nghĩa, và có lúc cũng mềm lòng : « Nguyễn Huệ (...) rất khôn khéo, biết mua chuộc lòng người, và có từ tâm. Khi có việc bất bình với Nguyễn Nhạc mà phải đem quân vây anh trong thành Qui Nhơn, Nguyễn Huệ đã không tán tận lương tâm để làm cho anh chết. Thấy Nguyễn Nhạc khóc mà yêu cầu chấm dứt cảnh củi đậu nấu đậu, Nguyễn Huệ đã động tâm mà rút đi ngay. »

Nhưng đáng ân hận — ân hận cho riêng nhà Tây Sơn hay ân hận chung cho toàn đại gia đình Bách Việt? — là tài ấy, uy ấy và chí ấy sớm không còn : « (...) Nguyễn Huệ là một tướng *tài giỏi và uy dũng vô cùng*, nên khi Huệ mất đi, bộ máy chiến tranh để lại không còn ai tiếp tục điều khiển được nữa. Đấy là một điều đáng tiếc vô cùng ».

Ngọc Dương
Tài dụng binh của Nguyễn Huệ
tuần báo « Điện báo » số 5, ngày 19-5-1951

Đến học giả Lê Văn Hoè như bác cái thuyết « con người chỉ là sản phẩm của hoàn cảnh ».

Thời thế tạo anh hùng. Không ai cãi.

Nhưng anh hùng có thể tạo nẩn thời thế hay xoay thế chuyển thời chăng ?

« Người anh hùng có thể xoay chuyển thời thế và tạo ra cơ hội thuận lợi cho mình ; nhưng trước hết, người anh hùng phải lựa chiều thời thế, lợi dụng cơ hội mà hành động.

« Đó chính là trường hợp của vua Quang Trung

(trong trận đại phá hai chục vạn quân Thanh) ».

Lê Văn Hòe
(Những bài học lịch sử — Quang Trung
Quốc học thư xã xuất bản, Hà Nội 1952).

Con người tay không dựng nghiệp cả, dọc ngang từ Trung vào Nam ra Bắc, dẫn binh tướng băng rừng, vượt biển, lội ruộng, qua sông... để luôn luôn ca khúc khải hoàn, và nuôi mộng khác thường, lại lo vun quén nền quốc học, trọng dụng chữ nước nhà, con người vượt kẻ đồng thời ấy, cứ đến mỗi lần hai năm mới cũ sắp giao nhau, là con nhà cầm bút không quên nói đến.

Mà nói đến « Người của mùa Xuân » ấy thì làm sao quên được gò Đống Đa lớp lớp xương thù chồng chất, mà đã gợi cái gò lịch sử diệt ngoại xâm này, thì ai chẳng nhớ tài quân sự phi thường, mà lịch sử đạn tên, Đông, Tây, kim, cổ ít kẻ sánh tày. Đến một nhà chuyên môn về y học mà cũng sốt sắng lục binh thư Tôn Tử để hiến cho chúng ta một bài báo lý thú, bài « Vua Quang Trung và Tôn Võ Tử » đăng trong tuần báo « Mới », số Xuân giáp ngọ, 1954. Xin nhường lời cho bác sĩ Dương Tấn Tươi :

(...) « Chúng tôi muốn đem đối chiếu chiến lược hành binh của Nguyễn Huệ với 13 thiên binh thơ của Tôn Võ Tử, kim chỉ nam của người đại tướng.

« So sánh để rõ trí thông minh của trang anh hùng « áo vải » khi đem áp dụng những câu bất hủ của binh pháp.

« So sánh để đánh đổ một ngoa truyền ; vì trái với lời đồn, « ngụy chúa » là một viên tướng có sức

học uyên thâm — tuy chẳng hề khi nào làm nô lệ cho sách — nên thích dụng mưu hơn dùng sức ».

Rồi sau khi so sánh những cuộc hành quân, những trận đánh do Quang Trung sắp đặt, điều khiển, với những lời Tôn Võ Tử ghi trong binh thơ, tác giả kết :

« Đến đây, có thể nào ta phê bình độc đoán rằng nhờ am hiểu binh pháp của Tôn Tử nên Nguyễn Huệ mới thắng dễ dàng Tôn Sĩ Nghị chăng ?

« Không thể được là vì không có bằng chứng nào giúp ta giải quyết điều thắc mắc : « Nguyễn Huệ có tham khảo binh thơ chăng ? »

« Nếu không thì tại sao nhiều đoạn hành binh phản chiếu những lời dạy của Tôn Võ Tử, nhiều mưu mô có vẻ áp dụng binh thơ ? Điều ấy có thể hiểu được, vì quyền binh pháp là sự kết cấu của bao nhiêu kinh nghiệm được một bộ óc thông minh kiểm điểm, suy xét để tìm ra nguyên tắc.

«(...) Các nguyên tắc ấy (nguyên tắc bất hủ của thuật làm tướng) đều do óc của một người tìm ra, thì nếu có một trí tuệ khác cũng thông minh, cũng có khiếu khảo xét tinh vi thì cũng nhận thấy được để đem ra áp dụng vào việc quân... mặc dầu không có ngọn bút tài ba để diễn ra trên mặt giấy. Sự gặp gỡ của hai thiên tài nào phải là việc hiếm có. Sự hiểu biết của vua Quang Trung vì nhờ lấy gốc rễ nơi kinh nghiệm trong sự chung đụng với đồng loại nên đã không kém sâu sắc lại còn có phần thực tế hơn cái học tìm trong sách vở. »

oOo

Lời khen, đến đây, tưởng cũng đủ rồi. Giờ, mời

các bạn hãy cùng chúng tôi lật những trang sách báo mà khen, chê lẫn lộn.

Chúng ta hãy bắt đầu bằng một đoạn thơ, cho không khí đỡi đi đôi chút.

Ông cử nhân Hán học Nguyễn Nam Đàn, năm 1953, đã cho xuất cuốn « *Lịch sử vua Quang Trung* » bằng thơ lục bát.

Chúng tôi xin sao vài đoạn của phần

KẾT LUẬN

« *Xem trong Lịch sử ghi truyền :*
Vua Quang Trung thực giá nên anh hùng.
Một tay diệt kẻ thù chung,
Nghìn năm giữ vững Non, Sông nước nhà.

. . . .

Uy thanh lừng lẫy trong ngoài,
Anh hùng như thế trên đời hiếm thay.
Vì hay lượng cả đức dày,

Tự mình lấy đạo hiền ngay cảm người.
Vỗ dân chúng, lượm nhân tài,
Ra công xây đắp kịp thời mở mang,
Lòng người đâu đấy qui hàng,

Mệnh giời âu cũng thuận thường về ta.
Non Tây cao sáng hiện ra,
Giang sơn thu lại một nhà như chơi.
Hiềm vì khí lượng hẹp hòi,

Việc làm so với đạo người quai vi :
Với dân không có ơn gì,

Với anh em lại hiềm nghi đủ điều.
Vì quyền lợi đánh lẫn nhau,
Nồi da nấu thịt đã nhiều người chê.
Nhất là đối với vua Lê,
Đạo thần tử lại thiếu bề thi chung.
Tôn phù trước mặt Hiền Tông,
Thụ phong rồi lại ra lòng kiêu căng.
Nhân điều diệt Chỉnh quay xằng,
Bách Lê thần phải biểu xưng tên mình.
Lại thêm đố kị tinh thành,
Những người tài cán đem tình nghi sai.
Võ Nhậm, Nguyễn Chỉnh hai người,
Có công mà vị có tài giết luôn.
Rồi truyền hận trạch thâm ơn,
So cùng họ Nguyễn nghìn muôn khác vời.
Vậy nên chỉ được hai đời,
Bé rồi đến bé chân đầu nước tan.
Mới hay việc cả thế gian,
Có tài, có đức vẹn toàn mới nên.
Tài cao mà đức không tuyền,
Cùng đời vật lộn muôn nghìn uổng công.
. . . .
Quang Trung tài trí hơn người,
Sánh cùng Nã, Hít (45) trên đời ai đương.
Vì chưng chẳng có đức thường,
Xui nên nghiệp cả Đế vương không bền.»

Lời trách, chê không phải ít. Đoạn nói về lượng

(45) Nã-Phá-Luân, Hít-le.

hẹp hòi của Quang Trung với họ Lê, với Võ Văn Nhậm, với Nguyễn Hữu Chỉnh, hẳn là ít ai đồng ý, và riêng chúng tôi cũng đã tỏ qua trong mấy kỳ trước. Đáng buồn một nỗi là cụ cử Hán học này đã hạ bút: «*So cùng họ Nguyễn nghìn muôn khác vời* ». Đề cao họ Nguyễn (họ Nguyễn diệt Tây Sơn) phải chăng vì lúc bấy giờ, ông vua cuối cùng của họ Nguyễn còn « trị vì » dưới cái nhãn hiệu Quốc Trưởng? Bởi ai có chút công tâm thì chẳng bao giờ đem so sánh Nguyễn Huệ với Nguyễn Ánh ở điểm: đức độ rộng, hẹp, và giết hại công thần.

Hãy để nhà cựu học ấy qua bên, mời các bạn thử xem lời phê phán của một nhà tân học, từng dạn dày trên trường tranh đấu, từng xót xa trong chốn lao tù: Thiên Giang đã nhơn dịp phê bình La Sơn Phu Tử mà nói đến Quang Trung.

« Theo ý Phu Tử thì phò Lê là anh hùng, đuổi Lê là gian hùng. Phu Tử luận việc gian ngay, chân ngụy chung quanh một ngôi vua. Ngoài ngôi vua ra, Phu Tử không còn thấy gì khác hơn nữa. Phu Tử không bao giờ thấy rằng chỗ gian hùng của Nguyễn Huệ không phải là cướp ngôi nhà Lê mà là phụ lòng dân chúng đã giúp Huệ lập nên nghiệp bá. Chính Huệ đã tự nhận mình «*nguyên là một trự ấp trưởng, nổi lên ở Tây Phương* ».

« Đuổi hôn quân, diệt bạo chúa, liều chết để chống ngoại xâm, đó là một cử chỉ anh hùng. Đến như lợi dụng lòng tin nhiệm của dân để lập nên sự nghiệp, rồi hy sinh quyền lợi của dân để lo quyền lợi của mình thì là cử chỉ của kẻ gian hùng. Đó là nguyên nhân sụp đổ chánh của Tây Sơn và của bao nhiêu anh hùng khác

như Nã Phá Luân ở Tây phương chẳng hạn. Lòng dân đã mất rồi (« Tiếng sầu oán dậy đường sá »), thì dầu cho cái tài phong thủy, thuật số cùng kinh bang Phu Tử có cao đến đâu cũng không sao cứu vãn địa vị Quang Trung được. Có lẽ biết vậy nên Phu tử khuyên Quang Trung nên chú ý đến dân.

. . . .

« Tuy có công đánh đuổi quân Thanh, nhưng Quang Trung lại giẫm lên con đường của bọn bạo chúa. « Tiếng sầu oán dậy đường sá ». Sự sụp đổ của nhà Tây Sơn đến đời Cảnh Thịnh mới hoàn toàn, nhưng đã bắt đầu ngay từ đời Quang Trung rồi vậy. »

(*Một ít cảm tưởng khi đọc* « La Sơn Phu Tử » của *Hoàng Xuân Hãn : người xưa và người nay* — tuần báo « Mới », số 18, ngày 21-3-1953).

Buộc tội trên giấy trắng mực đen, có lẽ cho là chưa đủ, nên hai năm sau, tác giả « Dân chủ và dân chủ » còn mượn lời để nói với đám học trò, tương lai của đất nước, trong bài diễn văn thường lệ đọc ngày 30-6-1955 tại rạp Thống nhứt, trong buổi lễ phát phần thưởng của một trường tư thục lớn ở kinh đô.

« (...) bao nhiêu ý nghĩ (...) gợi trong trí tôi, trong lòng tôi hình ảnh Quang Trung, bậc anh hùng tôi kính yêu nhất, mà cũng oán hận nhất, khâm phục nhất mà cũng bất bình nhất. »

« Trong tình trạng chiến tranh loạn lạc thường xuyên ấy, biên giới các lãnh địa phải đóng chặt, dân chúng không lối đi lại. Toàn dân đều sống trong sự lo sợ, đau khổ. Ai nấy ước mong một người đủ tài năng đứng ra tái lập trật tự, an ninh. Cho nên khi Tây Sơn

dấy lên, ai cũng hưởng ứng theo. Hưởng ứng theo Tây Sơn, dân chúng đã bày tỏ những nguyện vọng sau này : tiêu diệt chế độ phong kiến cùng những kẻ đã lợi dụng nó, thống nhất quốc gia cùng mở đường cho sự phát triển xã hội, cải tạo sinh hoạt để nhân dân khỏi cảnh lầm than.

« Đó là những điều kiện lịch sử cụ thể đã tạo nên sự thành công cho anh em Tây Sơn, nhất là Nguyễn Huệ. Can đảm tài năng, tinh thần quyết đoán, cùng bao nhiêu đức tính khác chỉ là những điều kiện chủ quan phụ vào hoàn cảnh lịch sử đã sẵn có.

« Nhưng khi cướp được chính quyền rồi, anh em Tây Sơn có thực hiện ý muốn của dân không ? »

Diễn giả lần lượt xét từng khoản một để ba lần kết luận : KHÔNG

« Về khoảng thứ nhứt : tiêu diệt chế độ phong kiến cùng những kẻ đã lợi dụng nó, ta thấy rằng sau khi tiêu trừ bọn Nguyễn, Trịnh, anh em Tây Sơn vẫn bảo tồn chế độ lãnh chúa, và, hơn nữa, chính mình đứng ra lợi dụng chế độ ấy. »

« Về khoản thứ hai, khoản thống nhứt quốc gia, thì như ta đã thấy, nhà Tây Sơn bảo tồn chế độ phong kiến, chia đất, phong vương ngay từng đầu, thì lẽ cố nhiên không thể thống nhứt quốc gia được. »

« Về khoản thứ ba (mở đường cho sự phát triển xã hội, cải tạo sinh hoạt để nhân dân khỏi cảnh lầm than), đáng lẽ sau khi cầu hòa được với nhà Thanh, trong nước đã tương đối bình trị, Quang Trung phải nghĩ ngay đến những cải cách cần yếu để hàn lại một phần nào những vết thương do bọn phong kiến

Nguyễn, Trịnh và đám quyền thần gây ra cho xã hội, ông lại không làm việc ấy mà chỉ lo củng cố địa vị hoàng đế. Ông cho xây Phượng hoàng trung đô ở đất Nghệ An là quê quán của mình, đặt lại quan chế, tổ chức việc dinh điền như kiểu các vua chúa trước.»

Tiếp theo, diễn giả đưa ý kiến về cái «mộng đòi đất» của Quang Trung:

«Về uy của Quang Trung lúc ấy có thừa thật đấy, nhưng nếu vì đòi đất Lưỡng Quảng mà ông gây giặc với Tàu thì liệu ông có thể vừa đương đầu với nước Tàu to lớn, vừa đương đầu với Chúa Nguyễn có quân Pháp giúp sức, trong lúc dân trong nước phải trốn vô rừng mà ở, tiếng sầu oán dậy đường không?»

Sau cùng, diễn giả kết:

«Nếu Quang Trung tỏ ra có biệt tài về phương diện quân sự, thì về phương diện tổ chức, cai trị, ông đã tỏ ra thủ cựu, độc đoán, có thể nói là phản tiến hóa.

«Thay vì nhắm vào quyền lợi dân tộc, ông chỉ lo củng cố ngai vàng để bảo vệ quyền lợi riêng cho mình, cho gia tộc mình. Tại sao ông dòm ngó đất Lưỡng Quảng xa xăm mà không lo bình định đất Nam Kỳ là nơi Nguyễn Ánh tung hoành? Giặc trong nước chưa yên, tại sao ông lại lo lập tín bài, tổ chức Bắc Chinh mà không thấy rằng dân chúng đã kinh khiếp vì giặc giã, dở sống dở chết vì giặc giã?

«Dấu hiệu sụp đổ của nhà Tây Sơn đã bộc lộ ngay khi Nguyễn Huệ còn sống. Các mâu thuẫn xã hội chỉ chờ ông nhắm mắt là tàn phá cả sự nghiệp của ông.

«(...) Tôi nhận thấy rằng Quang Trung khi đánh đuổi quân Thanh là một tượng trưng hùng tráng của

tinh thần dân tộc. Nhưng khi lên ngôi Hoàng đế rồi, Người đã quên dân tộc mà chỉ nghĩ đến mình, đến dòng họ mình. Vì sự quên dân, bỏ dân ấy mà dầu được tiếng là đệ nhất anh hùng, sự nghiệp của Người không bao lâu phải sụp đổ ».

Người từng là chiến sĩ và đang là nhà văn nhà giáo ấy đã cho ta thấy sự đau lòng của mình khi phải lên án khắc khe một vị anh hùng mà thuở thiếu thời mình đã say sưa sùng bái. Một nhà giáo khác, trong một cuốn sử Việt cho lớp tú tài phần nhất, cũng chia hai đoạn đời của Nguyễn Huệ mà khen, chê : đoạn đuổi quân ngoại xâm, đoạn dựng nền đế chế.

« *Ta đã nhận thấy cuộc khởi nghĩa Tây Sơn bản chất là phong trào nhân dân bạo động để lật đổ một chế độ thối nát. Anh em nhà Tây Sơn đã khéo liên hiệp được những lực lượng hùng hậu của nhân dân chống lại nhà Nguyễn, nhà Trịnh, nhà Lê, đánh đuổi quân ngoại xâm ra khỏi đất nước. Nhưng một khi thành công, nhà Tây Sơn lại rời bỏ dân chúng mà đi theo con đường của thời đại cũ. Nên đế chế quân phiệt của nhà Tây Sơn còn hà khắc hơn nền quân chủ của Trịnh, Nguyễn. Một vài cải cách bộ phận của vua Quang Trung không thể thay đổi tính chất của toàn bộ chế độ mà căn bản là một chế độ chuyên chế và đã cằn cỗi so với nhu cầu của xã hội thời bấy giờ. Cho nên chẳng bao lâu xã hội Việt Nam lại tỏ ra nhiều dấu hiệu rối loạn. Khi vua Quang Trung còn sống, con thuyền quốc gia còn được một tay cầm lái vững chắc tình thế, một mặt dựa vào lực lượng. Nhưng khi vua chết rồi, triều đình Tây Sơn chia ra bè, đảng, giết hại lẫn nhau. Nhân dân vẫn bị bóc lột, đàn áp khổ sở. Địch thủ của nhà Tây Sơn là*

Nguyễn Ánh, lợi dụng nhân dân phản đối nhà Tây Sơn, một mặt dựa vào sự viện trợ của người Pháp đang muốn gây ảnh hưởng ở Á đông nên đã đánh đổ nhà Tây Sơn và lập nên cơ nghiệp nhà Nguyễn.

(Nguyễn Văn Mùi — Việt sử : từ 1788 đến 1884 : Tư tài phần I, Thăng long xuất bản — Sài gòn—1956)

Gần đây, ông Trần Lang, trên tuần báo Tân Dân số xuân Mậu Tuất (1958) trong bài « Ngày Xuân uống rượu luận anh hùng » có phê bình Nguyễn Nhạc, khen là một vị anh hùng, có đủ đức tính làm nên nghiệp lớn, tiếc rằng chỉ vì cá nhân anh hùng chủ nghĩa, coi đất nước như của riêng mình, lại phân làm ba mảnh để anh em chia nhau trị vì, làm cho quốc gia suy nhược, và cơ nghiệp nhà Tây Sơn đến chỗ suy vong. Rồi, ông Ngũ Hồ trong tờ Thời Luận số 439 ngày 22 và 23-3-58, bài « Vua Quang Trung Nguyễn Huệ » cũng có những nhận xét tương tợ như ông Trần Lang : « bì oa trữ nhục, tham quyền cố vị, nhất khoảnh tam vương — không biết bảo nhau thống nhất lực lượng... » đó là nguyên nhân thất bại của Tây Sơn. Ông Ngũ Hồ lại thêm ý kiến : Nguyễn Huệ đã biết Nhạc chỉ mưu đồ phú quí thì sao không bắt chước Trịnh Trang Công đối với Thái Thúc Đoạn mà trừ khử Nhạc từ trước để thu giang san về một mối !

Và Xuân năm nay, dường như để trả lời cụ cử Nam Đàn về chỗ so sánh hai đối thủ cùng họ : Huệ và Ánh mà có người ghi :

« Trong khi Nguyễn Ánh hành động với tinh thần vô quốc dân đó (cầu cứu với bất cứ ngoại bang nào), thì

Nguyễn Huệ chỉ bằng vào lực lượng của dân tộc. Huệ đã kết tinh ý chí của dân tộc thành một khối đó, chọi lại với tất cả những sức mạnh nào, bất cứ từ đâu đến xâm phạm đến quê hương xứ sở, bất căn dưới danh nghĩa nào ».

VIỆT NHÂN
(Thử so sánh Nguyễn Huệ và Nguyễn Ánh
báo « Tân Dân » số Tết Kỉ Hợi, 1959.)

Ý KIẾN CHÚNG TÔI

Trình bày một số ý kiến mới đây đối với triều Tây Sơn, nói chung, và với Nguyễn Huệ, nói riêng, chúng tôi có ý muốn các bạn thấy thêm vài ngọn trào tư tưởng trong việc phê phán người xưa, cũng như vài nỗi thiết tha của người Việt trong khoản mươi năm nay được lồng vào bao lời phán, xét.

Khen Nguyễn Huệ, nhà phê bình nào chẳng đi đến chỗ suy tôn một chiều, chỉ nêu lên những điều thấy rõ: dụng binh như thần, dùng người khéo léo, trọng dụng chữ Nôm, có những cái nhìn vượt kẻ đồng thời đôi, ba thế hệ.

Còn chê Nguyễn Huệ, thì gần như không ai giống ai. Thiếu đức, hiềm nghi, hại kẻ tài, không làm gì cho dân nhờ, mấy điều buộc tội này đành không đứng vững. Nhưng anh em hiềm khích, đề mình yếu bên trong, đề kẻ địch thừa cơ phá khuấy, đề sự nghiệp chung vì đó một phần mà phải lung lay, chúng ta công nhận. Nhưng trách Huệ lúc đó, đối với một ông anh chí nhụt tài suy như Nhạc mà chẳng mạnh bạo ra tay trừ đề gom về một mối, thì e có chỗ quá đáng chăng.

Chính cái mềm lòng của Nguyễn Huệ, chính những

giọt lệ của kẻ làm em thế lực đang lên kia đã làm ta thương mến con người áo vải cờ đào nọ. Ta phục tài, ta trọng chí, ta lại được dịp thương tình...

Mà ví phỏng Huệ có vì sự nghiệp chung của dòng họ mà bức bách Nhạc xuống ngôi hay tự vận, thì thử hỏi dòng lịch sử có vì thế mà đổi thay chăng? Hay chỉ để lại ngàn sau một gương không mấy đẹp.

Chỉ vì Huệ chết sớm, chết bất ngờ. Chính Huệ cũng không ngờ, để mà lo liệu.

Bốn mươi tuổi! Cái tuổi của mùa xuân phát huy trọn vẹn! Cái tuổi của dựng xây bền, của hành động vững!

Khóc người cờ đào mạnh dựng, có riêng gì nàng công chúa họ Lê.

Chăm mặt Bắc, lãng mặt Nam, Huệ tin rằng ít nhất mình cũng còn với non sông mươi năm nữa. Thì bận rộn chi với một ông anh đang dưỡng lão, với một kẻ đối thủ tài hèn như Nguyễn Ánh?

Ta đứng ở địa vị người Việt giữa lòng thế kỷ XX, khi bao trào lưu dân chủ, xã hội, bao thuyết vì dân, do dân, bởi dân tràn ngập, mà lấy con mắt người nay, lấy tư tưởng giờ đây, mà buộc tội người xưa, chẳng hóa ta bất công, mà còn thành ra là kẻ phụ phàng.

Duy vật sử quan đã lúng túng khi đứng trước cái hiện tượng: « ANH HÙNG », « THIÊN TÀI » trong thiên hạ, ví phỏng ta có mượn cái « *ánh sáng một màu* » ấy mà rọi một kẻ anh hùng, một bực thiên tài mà hằng vài thế kỷ mới có một người như Quang Trung Nguyễn Huệ, thì liệu ta có hiểu, có giải, có đạt gì chăng?

Rút những bài học cho ta giờ đây, là một việc.

Nhưng phê bình người xưa, việc cũ, trong trường hợp chúng ta đang làm đây, là ĐỊNH GIÁ TRỊ HÀNH ĐỘNG CỦA MỘT VAI TRÒ LỊCH SỬ. Đặt trở lại *thời gian đó*, đề vào *hoàn cảnh đó*, hiểu *tâm lý người thời đó*, phải chăng là ba điều kiện tối cần ?

Cứ mỗi lần « thịt mỡ dưa hành đến ngự trị » trong tất cả gia đình người Việt — thì dù hoa xuân của Đất Trời không một loạt tô điểm cỏ cây, thì dù pháo Tết của người làm không nhuộm đỏ phố phường và vườn sân đi nữa — là lòng ta không hẹn mà cùng nhớ một ngày : *ngày Giỗ Trận*, mà cùng hướng về một nơi : *gò Đống Đa*. Sự tưởng nhớ của chúng ta càng tha thiết, khi Non Sông chưa chung về một mối, khi kẻ thù gần như là truyền kiếp của dân tộc này còn ngự trị từ « con sông Gianh mới » trở lên, dưới một hình thức xâm lăng mới nghìn lần nguy hiểm hơn là cuộc xua quân ồ ạt của vua tôi Mãn Thanh trên trăm rưỡi năm về trước.

Chẳng hiểu bạn đã mơ áo bào đem thuốc súng của Bắc Bình Vương hay đã cười cái cảnh « lũ quân chàng Tôn sập cầu trôi dầy sông », chớ riêng tôi, tôi đọc lạ cái hịch này của Sĩ Nghị :

« *Giúp người nguy, nâng người ngã, nghĩa nên làm có*
« *ngại chi đường xa ; vớt kẻ đắm, cứu kẻ cháy, chẳng được*
« *đừng phải dùng đến binh cách. Nghĩ đến nhà Lê nước*
« *Nam, vẫn là công thần nước ta hơn 300 năm nay, cống*
« *hiến không lúc nào khuyết. Nay phải anh em Nguyễn Nhạc,*
« *Nguyễn Huệ khởi binh làm loạn, đánh vỡ Kinh thành. Vua*
« *trước nhà Lê lo sợ đến nỗi phải chết, cháu là Duy Kỳ trốn*
« *tránh ở ngoài. Quan nước Nam là Nguyễn Huy Túc mang*
« *mẹ và vợ vua chạy sang nước ta, xin quân về cứu. Cứ như*

« nhời bọn Huy Túc có trình rằng : « Duy Kỳ hiện đương « ở địa phận Lạng Sơn, thần dân hãy còn có bụng yêu mến. « Lũ Nguyễn Nhạc lòng tựa chó dê, ác hơn hùm cọp, tàn « hại nhân dân, trăm họ oán vào xương tủy ». Tội nó tàn « ác hoành hành như thế, quyết không dong được. Nay ta « kính dâng lệnh Đại Hoàng Đế, rộng thương vua nhà Lê « lưu lạc, không nỡ để nước Nam lầm than. Đã trao cho Đốc « phủ cầm ấn Đại tướng quân đem 50 vạn quân thẳng đến « La thành, hỏi tội Nguyễn Nhạc, không cho nó trốn được « lưới trời. Còn như thần dân nước Nam, đội ơn vua Lê « đã lâu, không nên quên vua mà theo giặc. Ai hay xướng « nghĩa cũ hợp những người đồng chí, cùng lòng đánh giặc « giúp nước, sau khi thành công, ta sẽ tâu lên, phong cho « đất cát, cùng với nhà Lê hưởng phúc, như là việc cũ « chúa Trịnh. Hịch này đưa đến đâu, các người nên phải « gắng sức, cố cho thành công.

« Nay hịch »

« Lời lời châu ngọc » trịnh trọng tuyên bố với dân Nam là thế, nhưng sớ tâu về vua Bắc thì lại có đôi câu :

(...) « Nhân dịp này, nếu hưng phục cho Lê được rồi, ta sẽ đặt thú binh mà giữ lấy nước. Thế là vừa có ơn với Lê, lại vừa lấy được An Nam : nhất cử lưỡng lợi ! »

Năm tháng có qua nhiều, thời thế có đổi thay, nhưng ai dám thành thật quả quyết rằng dã tâm xưa của Hán tộc không còn ?

Và lời này : « *Đợi mười năm nữa, nước ta dưỡng được sức phú cường rồi, thì ta không cần phải sợ chúng nó nữa* » của người anh hùng áo vải đất Tây Sơn lúc sắp

truyền cho tướng sĩ ăn Tết trước, ở đèo Tam Điệp, nay vẫn còn vang dội trong lòng ta.

Nhưng kế hoạch mười năm quyết làm cho dân mạnh, nước giàu, quân vô địch, chỉ thực hiện mới được bốn năm, thì cái chết bất ngờ của vị anh hùng nhìn xa làm mạnh ấy làm tan giấc mộng lớn ấp ôm kia. Mà giấc mộng lớn ấy, nào phải chỉ riêng người cầm dầu vận mệnh dân tộc Việt này thấy cần phải biến nó thành sự thật, mà là mộng chung của Việt từ thuở xa xưa, thuở bế bồng nhau lìa bờ Động Đình Hồ, rời lưu vực sông Dương Tử để tiến về phương Nam tìm sự sống còn, trước sự lấn áp mạnh, dữ của dòng Hán.

Thực hiện mộng lớn kia được, tức là đập tan cái « sợ » nghìn đời, tức là diệt hẳn cái « ám ảnh » bị kẻ láng diềng phương Bắc nuốt.

Giấc mộng lớn ấy, Quang Trung nhắm mắt chưa kịp thực hiện, ta thử xem người nay, giữa thế kỷ XX, hiểu nó như thế nào.

Những nhận xét cùng ý kiến sau đây của một tờ tạp chí, do cụ Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố chủ trương, tưởng cũng đủ đưa ra làm tiêu biểu..

GIẤC MỘNG LỚN ẤY, PHẢI CHĂNG LÀ ĐÂY?

Mời bạn cùng tôi dở lại « Đông Thanh tạp chí », số ra mắt ngày 1-7-1932. Ba mươi bốn năm về trước, lớp đàn anh chúng ta đã ngậm ngùi...

(...) *Chúng ta ngậm ngùi nghĩ đến nòi giống Bách Việt và cõi đất Giao Chỉ ta xưa.*

« Phàm bàn đến cái phạm vi lãnh thổ của một nước nào, trước phải xem giống người gốc ở nước ấy, bàn

cứ, sinh tụ những nơi nào, rồi mới có thể quyết định được.

« Chúng ta nguyên là nòi giống Bách Việt, sinh trưởng ở phía Nam Ngũ Lĩnh, tức là vùng đất Lưỡng Quảng, Phúc Kiến với Bắc Kỳ và Nghệ Tĩnh của ta bây giờ, đời thượng cổ, gọi là nước Giao Chỉ. Sách Trúc thư kỷ niên *chép rằng : « Đời vua Xuyên Húc (Tàu), người Giao Chỉ ta bắt đầu thông với Trung Quốc và về đời Ngu (Thuấn), đất nước Tàu phía Nam giáp với Giao Chỉ.» Gọi Giao Chỉ tức là miền Lĩnh Nam đó*

« Về đời vua Kinh Dương Vương ta lập nước ở phương Nam (2.879 tr T. l.) đến đời vua Hùng, xưng hiệu nước là nước Văn Lang, bộ lạc Bách Việt đều thống thuộc vào trong bản đồ. Vậy nên sử ta chép cương giới nước Nam, nói rằng : phía Nam giáp với Hộ Tôn (sau tức là nước Lâm Ấp), phía Bắc giáp với hồ Động Đình (nay thuộc về đất tỉnh Hồ Nam bên Tàu) là đúng với sự thực lắm.

« (...) Sau mãi đến vua nhà Đông Ngô là Tôn Quyền (226) và Tôn Hạo (264) hai lần phân đất Giao Chỉ ta làm hai : Nam Hải, Uất Lâm, Thương Ngô là Quảng Châu ; Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố làm Giao Châu. Giao Quảng, chia ra từ đấy, mà đất nước ta vẫn phải phụ thuộc về Tàu.

« Đến đời Lương (Tàu), Lưu Cang (917) chiếm cứ đất Quảng Châu và quận Hợp Phố xưng là nước Nam Hán, sau bị nhà Tống lấy cả, từ đấy Quảng Châu và quận Hợp Phố mất luôn vào bản đồ nước Tàu, cho đến ngày nay.

« Còn về phần đất Giao Châu, từ Ngô Vương Quyền (938) nổi lên dựng lại nước Nam, cho đến triều Đinh (971) chỉ lấy lại được miền đất ba quận là Giao Chỉ, Cửu Chân.

Nhật Nam, còn quận Hợp Phố và phần đất Quảng Châu vẫn bị nước Tàu chiếm cứ mãi. Thế là hơn nửa phần nòi giống Bách Việt ta xưa, hóa thành người Tàu, máu mủ lìa tan, non sông chia rẽ, cho đến ngày nay, nghĩ đến lịch sử, sao không ngậm ngùi ? »

Tác giả (46) kể mấy phần đất bị mất tiếp: cuối Trần, 59 thôn gần miền Lạng Sơn, rồi 6 động gần miền Quảng Yên, đầu Mạc, và sau cùng, 6 châu gần miền Hưng Hóa cuối Hậu Lê (1780). Rồi than:

« *Ôi ! kể cả trước sau phần đất Giao Chỉ ta hãm vào Tàu quá nửa, dòng dõi Bách Việt ta bị đồng hóa với Tàu quá nửa, nghĩ đáng tiếc chăng?* »

Và sau đây, tác giả mượn ý kiến người xưa mà nói ý kiến mình.

« *Về cái vấn đề cõi đất nước ta xưa, lâu nay cũng có nhiều nhà chủ trương phải ghi theo phạm vi nước Giao Chỉ của dòng Bách Việt ta xưa, mà nhất là cụ Phạm Huy Hồ. Lúc sinh tiền, cụ nghiên cứu đến địa dư, lịch sử rất là uyên bác, cụ thường quả quyết chủ trương cái thuyết Lưỡng Quảng và Phúc Kiến là đất của Việt ta, và nói bao giờ khôi phục lại được mới thỏa lòng. Cụ thường có tập câu thơ Tàu để tỏ ý mình rằng;*

« *Ngày nào Lưỡng Quảng mà khôi phục,*
Nhớ với ông mày để biết cùng »,

Xem đấy thì biết cái hào khí của cụ hăng hái biết chừng nào ! »

Thì ra lớp đàn anh của chúng ta nặng lòng về « đất cũ », quyết sao khôi phục gian san xưa của nòi

---

(46) Bài này không ký tên người viết

Bách Việt! Khiến chúng ta liên tưởng đến người Xiêm đòi đất người Miên, người Miên đòi đất người Việt, và người Chiêm Thành còn lại trên đất nước ta cũng có lăn xì xăm đòi nước họ đã bị ông bà ta lấn lấy từ mấy trăm năm! Và nếu trên trái đất luôn luôn lắm chuyện này, mà quốc gia nào cũng đòi và cố thực hiện yêu sách «chánh đáng» của mình: lấy đất đai của giống nòi mình từ thuở vừa dựng nước, thì biết bao là rắc rối sẽ gây nên!

Nhưng mời bạn nghe tiếp tạp chí nói trên nói thêm, trong số 2, ra ngày 15-7-1932:

«(...)... *Vua Quang Trung có đưa thư sang Tàu đòi lại châu Hưng Hóa, là sáu châu bị thổ ti huyện Kiến Thủy của Tàu xâm chiếm (...)*

«*Sáu châu ấy là: Quảng Lăng, Tuy Phụ, Hạp Phì, Khiêm Châu, Hoàng Nham, Lễ Tuyền, từ xưa vẫn thuộc về phủ An Tây, xứ Hưng Hóa, tiếp giáp cương giới tỉnh Vân Nam.*

«*Về cuối đời nhà Lê, năm Cảnh Hưng nguyên niên (1740), bọn thổ ti huyện Kiến Thủy (Vân Nam) thừa cơ nước ta có dân Thổ ở sáu châu ấy là Hoàng Công Thư làm loạn, rủ nhau sang xâm chiếm, thu các thứ thuế, và bắt đổi y phục dóc bím theo Tàu. Năm Cảnh Hưng 41 (1780), chúa Trịnh Sâm có đưa thư sang Tàu cùng Tổng đốc Vân Quí tranh biện dải đất ấy. Việc chưa có kết quả gì, chúa Trịnh liền mất, rồi không ai chú ý đến, vì thế việc ấy nửa chừng bỏ dở, trọn đời Lê, không thu hồi lại được.*

«(...) *Nhưng tiếc thay! vua Quang Trung cũng liền mất, có chí khôi phục, mà chưa thành. Từ đấy về sau cho đến bây giờ, các nhà đương cuộc không ai chịu nghĩ gì đến*

cõi đất ấy nữa, làm cho sáu châu ấy thành lãnh thổ huyện Kiến Thủy thuộc về tỉnh Vân Nam.

... (...) Vì nếu vua Quang Trung chưa mất sớm, thì ngài sẽ luyện binh tập mã, đem quân sang Vân Quí, ra oai một trận như trận đánh Tôn Sĩ Nghị, vì tổ tông ta khôi phục lại chỗ đất đã hãm một kia, và cũng làm cho bọn thổ ti ở duyên biên nước Tàu, không được khinh rẻ nước láng diềng nữa, mà lãnh thổ nước ta đã thành một cái kim âu hoàn toàn từ bao giờ, có đâu để đến ngày nay, chúng tôi khảo cổ, còn phải than vãn: đến vấn đề ấy?»

Lớp cựu học nghĩ thế, còn phái tân học? Ông Phạm Văn Sơn đã từng lên tiếng:

— Hơn nữa, Ngài là một người có rất nhiều cao vọng. Ngài muốn mở mang bờ cõi thêm về phía Bắc bằng cách đòi lại các đất đai của ta ở hai miền Quảng Đông, Quảng Tây nước Tàu

(Việt Nam tranh đấu sử, Hà nội, 1949)

Rõ ràng là sự phẫn uất mấy mươi đời dồn ứ được tung ra, cái chua xót và nhục nhã của ngàn năm đô hộ thốt nên lời, không khéo có nhà duy vật nào đây dán cho chúng cái nhãn: một thứ chủ nghĩa Đại Nhật Nhĩ Mãn (Pangermanisme) hay một thứ Đại Tư Lập Phu chủ nghĩa! (Panslavisme).

Nhưng có người của nửa sau thế kỷ XX không đồng ý kiến trên đây, mà lên án cái mộng này của người đại thắng quân Tàu từng mượn màu nhân nghĩa toan bề cướp khéo nước Nam. Ta hãy nghe một nhà giáo nói cùng môn đệ, trong bài diễn văn thường lệ một buổi lễ phát phần thưởng cuối niên học, cách đây bốn năm.

« Thay vì nhắm vào quyền lợi dân tộc, ông (Nguyễn Huệ) chỉ lo củng cố ngai vàng để bảo vệ quyền lợi riêng cho mình, cho gia tộc mình. Tại sao ông dòm ngó đất Lưỡng Quảng xa xăm mà không lo bình định đất Nam Kỳ là nơi Nguyễn Ánh tung hoành? Giặc trong nước chưa yên, tại sao ông lại lo tập tin bài, tổ chức Bắc chinh mà không thấy rằng dân chúng đã kinh khiếp vì giặc giả, dở sống dở chết vì giặc giả? »

Có người lại sung sướng vì giấc mộng kia không thành, vì họ cho đó là cuồng vọng: đánh thắng sao được người Tàu trên đất họ? Mà dầu có lấy lại được Lưỡng Quãng đi nữa, thì chỉ là rước cái họa vào mình: đất ấy rộng gấp mấy lần đất Việt, dân ấy đông gấp mấy lần dân Việt, hẳn là sự họ đồng hóa ta là việc phải đành, khi cùng nhau «chung sống»?

Nhưng chúng ta có thể trả lời những ý kiến vừa nêu—gần hai trăm năm về trước. củng cố địa vị riêng mình, bảo vệ quyền lợi gia tộc mình, nó không đáng tội, đáng phỉ nhổ như giờ đây, thời của tự do, của dân chủ; vả lại, xưa kia, hòa quyền lợi riêng mình, quyền lợi gia tộc mình với quyền lợi dân tộc, là điều thường thấy;

— sao không lo miền Nam mà lại dòm phương Bắc? Một Nguyễn Ánh, Huệ xem như một mụn ghẻ ngoài da nhưng cả khối dân Tàu với cái dã tâm tràn xuống, Huệ cho đó là một chứng bịnh nội thương; bịnh bên ngoài chỉ làm ta mệt, bịnh bên trong có thể giết ta;

— mưu cuộc yên, vui lâu dài cho dân tộc, thì sự phiền hà, khổ cực nhất thời, người cầm đầu nào mà lại phân vân;

— bị đồng hóa trong cuộc «sống chung», sự thật niên nhiên đó, ai là người chẳng thấy, thì hẳn là kẻ có

cái nhìn vượt người đồng thời đôi ba thế hệ phải dư biết và phải có lắm phương đối phó ;

—còn mộng kia là cuồng vọng, thì biết nói sao giờ: một Bonaparte với bao nhiêu hoài bảo lúc mới bước chân vào đời khi nước Pháp đang suy bên trong, đang bị hiếp bên ngoài, một Hitler với bao mơ ước trong đầu khi nghề thợ sơn chưa nuôi sống nồi, lúc nước Đức bại trận, còn nghẹt thở trong cái rọ hòa ước Versailles người đồng thời mà nghe hai gã « phiêu lưu » và phi thường này cho biết những mộng lớn mộng con của họ, thì sao chẳng bảo là họ điên khùng !

Xin đề một nhà viết sử luận về vụ « trứng trọi đá» này, nhân dịp bàn về « châu chấu đá xe » dưới thời nhà Lý.

« Nước ta có một cái cơ hội rất tốt ở trận đánh Tống mà ta không lợi dụng được vậy.

« Xem như ở sử Tàu, người Mông Cổ phá trận Đại Thủy Lạc mà rồi lấy Kim, lấy Tống, vào làm vua Trung Hoa, một trăm năm nhà Nguyên vậy. Người Mãn Châu phá trận Sơn Hải Quan mà lấy Minh, cũng làm vua Trung Hoa, ba trăm năm nhà Thanh vậy. Người Việt nhơn một phen đánh được ba châu này Châu Khâm, Châu Liêm, Châu Ung, mà tiến quân sang nữa, biết đâu ở lịch sử Trung Quốc, không có mấy trăm năm nhà Lý từ trước ru?

« ...Xin thử hết dọc ngang mà nghĩ : lấy tình thế mà nói, nước Tống khi ấy, Bắc có giặc Liêu, Tây có giặc Hạ, quân thua của hết, nước yếu dân hèn, trong triều lại chia ra bè đảng, Duy tân, thủ cựu, chính sự mỗi ngày một nát; nước ta thì vua tôi cùng lòng, quân dân mạnh chí, ba đời vua trước ngót trăm năm công đức còn ở giang sơn vậy. Lấy

tài đức mà nói, người Mông Cổ đánh được Trung Quốc, mà quân Nguyên thua ta; người Mãn Châu đánh được Trung Quốc mà quân Thanh thua ta, quân khí không hơn nhau mà quân Pháp thời Tống từng theo Lý vậy. Nếu lấy về lớn nhỏ mà nói, thời Mãn Châu, Mông Cổ, đất cũng không rộng hơn Trung Hoa, người cũng không nhiều hơn Trung Hoa vậy. Tóm lại chỉ là tự yên lòng làm dưới thời không dám mong hơn, ấy thực là một cái căn tính của người mình từ trước đến sau, tưởng không riêng gì mấy vua tướng nhà Lý. «... Tiếc thay !»

TẢN ĐÀ NGUYỄN KHẮC HIẾU
(Quốc sử huấn mông, Hà Nội, 1924)

VÀ ĐÂY, PHẢI CHĂNG LÀ GIẤC MỘNG LỚN?

Không, con người xuất chúng như Quang Trung không ngu, dại gì mà nuôi cái mộng hơn thua với Trung Hoa để thực hiện cái thèm chiếm đất hầu tánh tự kiêu được thỏa. Con người ngoại hạng ấy thuộc về số người rất hiếm «sinh ra đã biết», rồi học, rồi hành làm cho cái biết thiên phú kia càng thêm chín, chắc. Tôi tin rằng Người đã ý thức sâu, xa hơn ai cái hiểm họa tày trời, cái gươm bén kề bên cổ : Khối Hán tộc mạnh, đông sát nách, với cái ý định xóa tên nòi Việt trên lịch sử loài người. Mà nòi Việt chỉ còn hai đường sống : tràn xuống phương Nam và chận đứng người Bắc, Tiến vào Nam để sống, chận phương Bắc để *còn* : xây một Vạn lý trường thành ư ? Gương thất bại của Tần Thỉ Hoàng còn đó. Sao bằng xây một... biển người ? Quảng Đông, Quảng Tây, Phúc Kiến, Chiết Giang, hồ Động Đình, sông Dương

Tử.., đại gia tộc Bách Việt.., còn rải rác đó đây: Ưu Việt, Mân Việt, Đông Việt, Tây Việt, Nam Việt.. thì Lạc Việt may mắn thoát khỏi vòng Hán hóa, sao chẳng giơ cao ngọn đuốc: đoàn tụ dưới mái nhà to?

Còn giấc « Mộng Lớn » của chúng ta, giờ đây?

Lời bạt

Đây là để trả một món nợ.

Từ thuở bé, tôi đã ấp ủ ba cái mộng, trong số bao nhiêu cái mộng lớn, mộng con khác.

Một cái mộng lớn là thấy một VIỆN NGHIÊN CỨU TÂY SƠN, qui tụ những sử gia đã nắm vững những phương pháp sử học của Tây phương mà thoát những tù hãm của những phương pháp này, để rọi ánh sáng vào giai đoạn huy hoàng nhất, mà cũng là ít được biết nhất trong lịch sử nước nhà : sự xuất hiện của vị anh hùng áo vải cờ đào Hồ Thơm — Nguyễn Huệ — Quang Trung. Thành tích và viện Nghiên cứu này thâu lượm được sẽ mang vào Đại học mà dạy thành một chứng chỉ đặc biệt, vào trường Cao đẳng Quân sự mà dạy cho các sĩ quan cao cấp. Và mỗi năm, thấy một sử gia chọn một góc nào đó của vấn đề Tây Sơn mà làm đề tài của một luận án về sử học.

Một cái mộng lớn thứ hai là thấy một học giả, (như Trần Thọ đã làm đối với đời Tam Quốc), đúc kết tất cả những điều cần phải biết về Tây Sơn mà sáng tác ra bộ **Tây Sơn chí** *truyền lại cho muôn đời.*

Chừng ấy, rút tài liệu chánh xác ở trên, một ngọn bút tài hoa nào đó (ví như La Bổn Quán Trung đối với đời Tam Quốc) sẽ làm sống lại thật linh động vị anh hùng ÁO VẢI CỜ ĐÀO, đã dẫn đầu cho dân tộc Việt viết những trang sử xán lạn.

Từ mới bắt đầu quen với Nguyễn Hữu Ngư, sau nầy mượn bút hiệu là Nguiễn Ngu Í, rồi Ngê Bá Lí, tôi đã nhắc cho bạn nghe những mộng lớn mộng con nầy. Năm 1958, có lẽ bạn bị một động cơ tâm lí riêng tây, mà viết một loạt bài về Quang Trung đăng ở Bách Khoa. *Năm Bính Ngọ nầy, nhân dịp ngày sanh nhựt của Hồ Thơm (mồng năm tháng năm âm lịch), người gom những bài ấy mà đăng thành sách và nhờ tôi viết cho một bài tựa.*

Nghĩ rằng những mộng lớn mộng con mà tôi đã gieo trong trí của Bạn cũng có một phần nào ảnh hưởng đến trạng thái thần kinh của người, nên tôi thấy cần nói đôi lời, gọi là để trả một món nợ Tinh thần. Song xét mình mấy mươi năm nay chẳng làm được một chút gì để « giúp dân dựng nước », khi mà nước loạn chẳng khác vào thời Tây Sơn, nên tôi thẹn quá.

Bởi thẹn quá, mà chẳng dám đặt lời mình ở những trang đầu của sách, nên chỉ xin bạn một chút cỏn con chỗ ở cuối sách mà thôi. Gọi là để...

oOo

Điều mà tôi muốn nói, ấy là cởi lòng, kẻo ấm ức quá mà loạn thần kinh, rồi nối gót mà theo bạn lên Dưỡng trí viện Biên Hòa nốt.

Cái gì làm cho tôi ấm ức quá như vậy ?

Ấy là nghe thấy một đám vỗ ngực xưng mình là « sử gia », khoác áo Mác xít để tiếp tục công việc của bầy tôi nhà Nguyễn, để bôi nhọ Người « áo vải cờ đào ». Bầy tôi nhà Nguyễn còn có chỗ dung tha, vì dầu sao, họ vẫn còn chấp một cái lí tạm gọi là « dân tộc » được. Còn các ông « sử gia khoa học » ngày nay có một động cơ tâm lí mà chúng ta cần « vạch mặt chỉ trán ». Họ công kích vị chiến thắng Đống Đa vì đã có « cuồng vọng » muốn kéo quân sang đánh nhà Thanh, phạm thượng đến nước Trung Hoa vĩ đại, « tổ quốc mới » của họ.

Tôi không phải là một « sử gia », càng không phải là một « sử gia khoa học ». Mặc dầu tôi bị phết một lớp sơn trí thức giả tạo bề ngoài, bản chất của tôi là một nông dân. Và vì nông dân, nên tâm hồn tôi đồng nhất với tâm hồn của nông dân ta vào cuối thế kỉ XVIII, đám nông dân thuở ấy không có đủ cơm ăn, chưa chắc có áo vải để mặc, chịu cảnh loạn li dằng dặc mấy mươi năm, bỗng nhiên thấy có một người phất cờ đào mà vạch con đường Vinh quang cho dân tộc.

Nông dân thuở ấy nghe nói như thế này :

« Nước nhỏ bé của ta nằm sát nách của một dân tộc to là nước Tàu. Nước Tàu mạnh, thì nước Tàu thôn tính các nước lân cận, đồng hóa dân họ, để cho Tàu trưởng lên. Thời Hán, thời Đường, nước Tàu mạnh lên, ấy là nước ta bị đô hộ, suốt cả ngàn năm. Thời tan Đường,

nước Tàu bị đại loạn li, suy yếu, dân ta mới lám chình mà bước vào cảnh tự chủ. Mấy năm nhà Tống suy vi mà phải dùng biện pháp cứng rắn của Vương An Thạch, thì Lí Thường Kiệt mới bại Tống được. Khi nhà Nguyên xây dựng lên sự đàn áp dân Tàu, chúng bị cái mâu thuẫn nội tại đó, mà Trần Quốc Tuấn mới bại họ nổi.

«Còn vào thời Thanh Càn Long đây, nước Tàu mắc hai cái mâu thuẫn lớn lao. Mâu thuẫn thứ nhứt là sự tranh đấu giải phóng của dân tộc Tàu đối với bọn đô hộ Mãn. Mâu thuẫn thứ hai trầm trọng hơn, có tánh chất xã hội và tôn giáo, tức là cuộc nội chiến do BẠCH LIÊN GIÁO lãnh đạo. Giáo chủ là Lưu Tùng, ở An Huy chủ xướng. Các đồ đệ như Lưu Chi Hiệp, Tống Chi, Thanh... đã đem một đứa con trai ở Ma ấp, tỉnh Hà Nam tên là Vương Phát Sanh, mà bảo rằng nó là hậu duệ của họ Châu của triều Minh để tôn lên làm thủ lãnh chánh trị để khởi nghĩa ở Kinh Châu, Thiểm Tây, Tương Dương, Tứ Xuyên, Cam Túc... Khí thế lẫy lừng. Nếu vị anh hùng vạn thắng của ta là Quang Trung kéo quân sang, lập lại chiến lược phò Lê diệt Trịnh, mà phất cờ «phản Thanh phục Minh», thì một mặt có đồng minh là Bạch liên giáo, một mặt có cả dân tộc Tàu làm hậu thuẫn, thì có gì đâu là «cuồng mộng»?

Phỏng tôi sống vào cuối thế kỉ XVIII, làm một nông dân tuổi vào khoảng hai mươi và ba mươi, nếu tôi nghe nói như vậy, ắt tôi TIN rằng vị chủ tướng của ta là Hồ Thơm sẽ thành công. Tôi lại nghĩ thêm rằng

sự hùng cường của Tàu là lưỡi gươm bén kề vào cồ của dân tộc Việt ta. Tôi lại cho rằng KHÔN cho dân Việt là thừa lúc nhà Thanh gặp đại loạn này, hoàng đế Quang Trung kéo quân sang để giải phóng Hán tộc khỏi ách Mãn Thanh, thì hoàng đế Quang Trung nắm chánh nghĩa hơn Tôn Sĩ Nghị đem hai mươi vạn qnân mà « đưa Lê Chiêu Thống về nước ». Tôi lại cho rằng NGOAN cho dân tộc VIỆT là ủng hộ sự hành động của hoàng đế Quang Trung, nhờ giải phóng Hán tộc mà yêu cầu « đền ơn » lại bằng cách là giao trả lãnh thổ BÁCH VIỆT, vốn là của ta, về cho ta : ấy là thủ tiêu lưỡi gươm bén kề vào cồ ta dằng dặc từ đời nọ sang đời kia...

Là nông dân, tôi hiểu như vậy, tôi tin như vậy. Tôi tức sao hồi nhỏ tôi không tạo cho tôi một uy tín quốc tế là một SỬ GIA, để dựa vào uy tín ấy mà mắng bọn « vọng ngoại khoác áo sử gia ». Tôi sẽ mắng họ khoác áo « khoa học » mà nghiên cứu sử theo kiểu ở các phòng thí nghiệm người ta nghiên cứu theo phương pháp in vitro, *tách rời vài tế bào ra ngoài cơ thể chung, rồi bỏ vào ống chai mà quan sát. Tôi sẽ mắng họ bàn phiếm về chính lược, chiến lược của Nguyễn Huệ chỉ ở trong cái « ống chai » Việt Nam, mà tách rời nó khỏi cái cơ thể chung là khối Á Đông lúc ấy. Tôi sẽ mắng họ luôn rằng họ xưng là « sử gia », mà dốt sử như đám thí sinh Tiểu học, nghiên cứu phong trào Tây Sơn mà chẳng biết BẠCH LIÊN GIÁO là cái quái gì ở Tàu, mà chẳng biết NGHĨA HÒA ĐOÀN của Tập Đình, Lý Tài, chỉ là những nhánh*

con của cái tổ chức quân sự to tát ở Tàu của Bạch liên giáo.

Thấy họ « vọng ngoại » quá, « phản khoa học » quá, « dốt » quá, mà không đủ uy tín của một sử gia để mắng họ, tôi ấm ức quá, muốn điên. Muốn điên vì mình không đủ tài để biện hộ cho vị anh hùng mến yêu của mình là HỒ THƠM — NGUYỄN HUỆ — QUANG TRUNG.

nhơn ngày sanh nhựt của kẻ
« áo vải cờ đào » năm Bính Ngọ 1966

HỒ HỮU TƯỜNG

ĐÍNH CHÁNH

TRANG	DÒNG	XIN ĐỌC
19	16	bắc *hơn* mấy trăm
20	11	Mà ý *tướng* lòng *quân* hề
30	23	ồ Việt gian, Nguyễn Huệ
31	6-7	xé ;
32	10	ngẩn ngùi, ấy thế
75	27-28	dư : *tình thế, một mặt dựa vào lực lượng*
76	1	thiếu : lợi dụng *tình thế, một mặt dựa vào lực lượng* nhân dân

Chìm Châu

Gởi Diệp-Châu, người em
không may, khuất bóng

Bút có mực mà giấy không lên chữ,
Buồn cho ai hay tủi hổ cho mình ?
Súng dập dìu mà đáng trọng hay khinh ?
Một dân tộc, một gia đình, ai ở giữa ?

Rồi súng nổ — trễ tràng, nhưng đã nổ.
Bao nặng nề, u uất chết theo ai.
Rồi từ hầm sâu, từ lao kín, từ đảo xa vời,
Bao người chết trở về đây họp mặt.

Mắt hân hở, mà lòng sao thắt chặt.
Em chưa về, hay em mãi ra đi ?
Hết chạy hỏi han, lại nằm đó trông gì.
Tin cuối cùng, chắc chắn, thôi còn chi.

Người ta thờ Nga, , người ta
dựa chi chị.
Em : thân Việt, chỉ tựa vào giống Ức-Trai, nòi
Nguyễn-Huệ.
Thì dầu, em ơi, nghẹn ngào xa trần thế,
Thân không toàn, mộ không có, có hề chi.
Và Thành, Bại, cũng chẳng hề chi, em nhỉ.

Lá một mùa rơi,
Mà gốc vững đời đời.
Châu đã chìm rồi,
Thì tát biển, chi nào người.

Thủ-đức, trại H.P., đêm rằm tháng 10 Quí Mão
(30-11-1963)

NGUIỄN-NGU-Í

Giấy phép số 1556 TBTTCH BC3 XB ngày 8-5-67 **Giá 45$**